



**ESCUELA PREPARATORIA  
EISENHOWER  
HIGH SCHOOL**

611 South 44<sup>th</sup> Avenue, Yakima, Washington, 98908 (509) 573-2626

# Course Catalog

## 2026-2027



*Yakima*  
SCHOOL DISTRICT  
DISTRITO ESCOLAR

104 N. 4<sup>TH</sup> AVENUE, YAKIMA, WA 98902 | [WWW.YSD7.ORG](http://WWW.YSD7.ORG)

# Mục lục

<b>Sách hướng dẫn khóa học Eisenhower</b> .....	3
<b>Thông tin chung</b> .....	3
Tuyên bố không phân biệt đối xử .....	3
Tư vấn, Hướng nghiệp và Hướng dẫn Đại học .....	3
Yêu cầu tốt nghiệp .....	5
Tiêu chuẩn nhập học đại học .....	8
Tính đủ điều kiện của NCAA cho sinh viên tương lai .....	10
Vị trí nâng cao (AP) - Eisenhower .....	10
Tín dụng kép - Davis, Eisenhower .....	11
Làm thế nào để sử dụng hướng dẫn này .....	15
<b>Cung cấp khóa học</b> .....	16
Anh - Eisenhower .....	16
Toán học - Eisenhower .....	19
Khoa học - Eisenhower .....	21
Nghiên cứu xã hội - Eisenhower .....	24
Giáo dục Nghề nghiệp/Nghề nghiệp & Kỹ thuật (CTE) - Eisenhower .....	25
Sức khỏe và Thể hình - Eisenhower .....	31
Mỹ thuật - Eisenhower .....	33
Ngôn ngữ thế giới - Eisenhower .....	36
Chương trình Giáo dục Đặc biệt - Eisenhower .....	37
Các môn tự chọn khác - Eisenhower .....	39
Công nghệ YV- .....	40
<b>Các khóa học</b> .....	45
Cao đẳng trong trường trung học .....	45

# Sách hướng dẫn khóa học Eisenhower

---

## Thông tin chung

---

### Tuyên bố không phân biệt đối xử

Học khu Yakima không phân biệt đối xử trong bất kỳ chương trình hoặc hoạt động nào trên cơ sở giới tính, chủng tộc, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, màu da, nguồn gốc quốc gia, nhập cư hoặc tình trạng công dân, tuổi tác, cựu chiến binh hoặc tình trạng quân sự, khuyết tật, phân biệt thân kinh, hoặc sử dụng một hướng dẫn chó được huấn luyện hoặc động vật phục vụ và cung cấp quyền truy cập bình đẳng cho Hướng đạo sinh và các nhóm thanh niên được chỉ định khác. Các nhân viên sau đây đã được chỉ định để xử lý các câu hỏi và khiếu nại về cáo buộc phân biệt đối xử:

**Điều phối viên Tuân thủ Quyền Dân sự:** Christina Larsen, Phó Giám đốc, 104 N. 4th Ave., Yakima, WA 98902, (509) 573-7032, [larsen.christina@ysd7.org](mailto:larsen.christina@ysd7.org)

**Điều phối viên Tuân thủ Quyền Dân sự (Sinh viên): ADA/Mục 504** - Shawn Orminski, Trợ lý Giám đốc Dịch vụ Sinh viên, 104 N. 4th Ave., Yakima, WA 98902, (509) 573-7263, [orminski.shawn@ysd7.org](mailto:orminski.shawn@ysd7.org)

**Điều phối viên tuân thủ quyền công dân (Không phải là sinh viên): Điều phối viên ADA** - Christopher Miller, Giám đốc Nhân sự, 104 N. 4th Ave., Yakima, WA 98902, (509) 573-7066, [miller.christopher@ysd7.org](mailto:miller.christopher@ysd7.org).

**Điều phối viên Tuân thủ Quyền Dân sự (Sinh viên): Tiêu đề IX** - Omar Santoy, Giám đốc Điều hành Dịch vụ Sinh viên, 104 N. 4th Ave., Yakima, WA 98902, (509) 573-7260, [santoy.omar@ysd7.org](mailto:santoy.omar@ysd7.org)

#### **Phó Điều phối viên Title IX:**

Erin Thomas, Giám đốc Dịch vụ Sinh viên, 104 N. 4th Ave., Yakima, WA 98902, (509) 573-7261, [thomas.erin@ysd7.org](mailto:thomas.erin@ysd7.org)

Shawn Orminski, Trợ lý Giám đốc Dịch vụ Sinh viên, 104 N. 4th Ave., Yakima, WA 98902, (509) 573-7263, [orminski.shawn@ysd7.org](mailto:orminski.shawn@ysd7.org)

Kim Newell, Giám đốc Nhân sự, 104 N. 4th Ave., Yakima, WA 98902, (509) 573-7068, [newell.kimberlee@ysd7.org](mailto:newell.kimberlee@ysd7.org)

Christopher Miller, Giám đốc Nhân sự, 104 N. 4th Ave., Yakima, WA 98902, (509) 573-7066, [miller.christopher@ysd7.org](mailto:miller.christopher@ysd7.org)

Các cá nhân khuyết tật cần hỗ trợ hoặc sắp xếp đặc biệt để tham dự một chương trình hoặc hoạt động do Học khu Yakima tài trợ nên liên hệ với Điều phối viên Đạo luật Người Mỹ Khuyết tật (ADA) thích hợp 24 giờ trước sự kiện để hỏi về chỗ ở hợp lý. Những người điếc, điếc, khiếm thính và/hoặc khiếm thính có thể truy cập Dịch vụ Chuyển tiếp Washington bằng cách gọi 7-1-1 hoặc 1-800-833-6388.

“Học khu Yakima khuyến khích sự đa dạng của lực lượng lao động và tuân thủ tất cả các luật của tiểu bang và liên bang cấm phân biệt đối xử bất hợp pháp.”

## Tư vấn, Hướng nghiệp và Hướng dẫn Đại học

### Trung tâm tư vấn

Trung tâm Tư vấn được nhân viên bởi các cố vấn trường học được chứng nhận và các chuyên gia hỗ trợ - một loạt các dịch vụ được cung cấp cho học sinh, phụ huynh và nhân viên với mục đích khuyến khích sự thành công của học sinh.

- **Lập kế hoạch và lập kế hoạch học tập** - sinh viên được hỗ trợ lựa chọn khóa học và lên lịch để giải quyết nhu cầu tốt nghiệp và các mục tiêu sau trung học.
- **Lập kế hoạch và thông tin về nghề nghiệp và sau trung học** - Học sinh nhận được hướng dẫn về cách xác định và áp dụng thông tin về sở thích và kỹ năng cá nhân vào việc lựa chọn và theo đuổi các mục tiêu giáo dục và nghề nghiệp có hệ thống.
- **Hỗ trợ chuyên tiếp từ trung học cơ sở lên trung học phổ thông** - nhận ra rằng thông tin và hướng dẫn tốt là rất quan trọng để chuyển đổi thành công, các cố vấn là một phần của các hoạt động hỗ trợ học sinh lớp 9 sắp tới thích nghi với môi trường trung học và các cơ hội của nó. Các hoạt động này được bắt đầu từ lớp tám và tiếp tục trong suốt lớp 9.
- **Hướng dẫn & Tư vấn** - Học sinh được hỗ trợ với các mối quan tâm cá nhân và xã hội. Các cố vấn cung cấp các cuộc họp cá nhân và nhóm ngắn gọn cho những học sinh tìm kiếm sự trợ giúp hoặc được phụ huynh, nhân viên hoặc các học sinh khác giới thiệu. Đây là một cơ hội tuyệt vời để có được sự hỗ trợ trong việc đối phó với các mối quan tâm cá nhân và xã hội đang ảnh hưởng đến khả năng học tập của học sinh. Cố vấn, nhân viên xây dựng và tư vấn làm việc như một nhóm để xác định và hỗ trợ những học sinh không thành công ở trường, học tập và/hoặc cá nhân.
- **Giới thiệu đến các Chương trình hoặc Cơ quan Thích hợp** - Học sinh được hướng dẫn chung về các nguồn lực của trường và cộng đồng có sẵn để giải quyết các nhu cầu và nâng cao hiệu quả trong nhà, trường học và cộng đồng của họ.

## Trung tâm Cao đẳng và Hướng nghiệp (Davis, Eisenhower)

Trung tâm này là một nguồn tài nguyên quan trọng để đào tạo sau trung học và thông tin/khám phá nghề nghiệp. Bằng cách sử dụng các tài nguyên này, sinh viên có thể đưa ra những lựa chọn thông minh, sáng suốt về các lựa chọn đào tạo và nghề nghiệp phù hợp nhất với họ.

- Trợ giúp về sơ yếu lý lịch, kỹ năng phỏng vấn việc làm và tư vấn nghề nghiệp
- Thông tin về các trường cao đẳng và nghề nghiệp
- Đánh giá nghề nghiệp trực tuyến có sẵn
- Đại diện trường đại học và quân đội có sẵn cho các cuộc họp và thuyết trình không chính thức
- Thông tin học bổng/Hỗ trợ tài chính

**Sinh viên – ghé thăm Trung tâm Cao đẳng để tìm hiểu thêm!**

## Kiểm tra

Các bài kiểm tra sau đây là bắt buộc để tuyển sinh vào một số trường cao đẳng/đại học, cũng như một số chương trình học bổng.

\* Điểm kiểm tra đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu về Lộ trình Tốt nghiệp Toán và Tiếng Anh (ELA) để tốt nghiệp trung học phổ thông

**PSAT/NMSQT** (*Preliminary Scholastic Aptitude Test/National Merit Scholarship Qualifying Test*) - *Phải được thực hiện trong mùa thu của năm học cơ sở để đủ điều kiện nhận Học bổng National Merit Scholarships.* Sinh viên năm hai có thể kiểm tra để thực hiện. Mặc dù những điểm này thường không được sử dụng làm tiêu chí nhập học, nhưng đây là một thực hành tốt cho sinh viên dự định thi SAT. Thông tin bổ sung và câu hỏi mẫu có sẵn tại <https://satsuite.collegeboard.org/psat-nmsqt>

**ACT** \* (*American College Test*) - Một bài kiểm tra được sử dụng bởi một số trường cao đẳng/đại học để xác định trình độ kỹ năng nhập học. Nó được đưa ra tại địa phương năm lần một năm và bao gồm bốn bài kiểm tra và kiểm kê sở thích nghề nghiệp. Thông tin bổ sung và câu hỏi mẫu có sẵn tại [www.act.org](http://www.act.org).

**SAT**\* (*Scholastic Aptitude Test*) - Được sử dụng như một công cụ tuyển sinh của nhiều trường cao đẳng bốn năm như một yếu tố dự đoán tiềm năng thành công đại học và như một yêu cầu cho sinh viên muốn tham gia môn điền kinh Division I, kỳ thi này được tổ chức sáu lần mỗi năm. Nó cung cấp điểm số trong Ngôn ngữ và Toán học và có thể được thực hiện nhiều lần. Nó được khuyến khích cho người cao niên, cũng như cho các học sinh đang nộp đơn vào các trường cạnh tranh và những người có thể hưởng lợi từ kinh nghiệm kiểm tra. Thông tin bổ sung và câu hỏi mẫu có sẵn tại <https://www.collegeboard.org/?excmpid=VT-00059>.

**ASVAB\*** (Armed Services Vocational Aptitude Battery) là bài kiểm tra đầu vào để nhập ngũ vào quân đội Hoa Kỳ. ASVAB bao gồm tám lĩnh vực bao gồm khoa học, kiến thức từ, toán học và hiểu cơ học. ASVAB được quản lý vào tháng Hai bởi các nhân viên quân sự tại mỗi trường trung học. Thông tin bổ sung và câu hỏi mẫu có sẵn tại <https://www.officialasvab.com/>

## Yêu cầu tốt nghiệp

Để đủ điều kiện nhận bằng tốt nghiệp của Học khu Yakima, học sinh phải hoàn thành những điều sau: (xem WAC 180-51-210 & Chính sách Hoạt động của Hội đồng YSD 2410)

### 1. Kiểm được tối thiểu hai mươi bốn (24) tín chỉ từ các lớp 9, 10, 11 và 12.

Có thể tích lũy tín chỉ ở cấp trung học cơ sở cho Đại số, Hình học và Ngôn ngữ Thế giới. Hoàn thành thành công (nhận điểm A, B, C, D, P hoặc S) của công việc của một học kỳ trong một lớp = 0,5 tín chỉ.

#### Hai mươi bốn (24) tín chỉ này, phải bao gồm:

Chủ đề	Mô tả	Các khoản tín dụng
Anh	Các lớp học phải bao gồm: Tiếng Anh 9, Tiếng Anh 10, Tiếng Anh 11 và Tiếng Anh 12	4.0 tín dụng
Toán	Yêu cầu ba (3) tín chỉ toán học. Phải bao gồm một chuỗi các khóa học: Đại số 1 hoặc Toán tích hợp 1, Hình học hoặc Toán tích hợp 2, và Đại số 2, Toán tích hợp 3 hoặc tín chỉ thứ 3 khác của toán dựa trên HSBP.	3.0 tín dụng
Khoa học*	Yêu cầu ba (3) tín chỉ khoa học. Phải bao gồm ít nhất hai (2) tín chỉ khoa học phòng thí nghiệm.	3.0 tín dụng
Nghiên cứu xã hội	Lịch sử Tiểu bang Washington (Được cung cấp ở lớp 7 hoặc lớp 8 không kiếm được tín chỉ nhưng đáp ứng yêu cầu tốt nghiệp.) Địa lý thế giới (0,50 cr.), Lịch sử thế giới (0,50 cr.), Lịch sử và Chính phủ Hoa Kỳ (1 cr.), Công dân (0,50 cr.), và CWP/Kinh tế (0,50 cr.).	3.0 tín dụng
Giáo dục Sức khỏe & Thể hình	Phải bao gồm 1,5 tín chỉ thể dục và 0,50 tín chỉ Y tế.	2.0 tín dụng
Ngôn ngữ thế giới	Cả hai tín chỉ có thể là Yêu cầu về Con đường Cá nhân hóa (PPR) **	2.0 tín dụng
Mỹ thuật (Visual & Performing Artes)	Chỉ có một (1) tín chỉ có thể được đáp ứng với các khóa học đáp ứng yêu cầu Mỹ thuật. Cả hai tín chỉ có thể là Yêu cầu về Con đường Cá nhân hóa (PPR) **	2.0 tín dụng
Giáo dục nghề nghiệp/nghề nghiệp & kỹ thuật (CTE)	Có thể là một khóa học nghề nghiệp/CTE đáp ứng định nghĩa của một khóa học khám phá như được mô tả trong các tiêu chuẩn của Chương trình CTE	1,0 tín dụng
Các khóa học tự chọn		4.0 tín dụng

\* Tín chỉ thứ ba của khoa học và tín chỉ thứ ba của môn toán được học sinh chọn dựa trên sở thích của học sinh và Kế hoạch Trung học và Ngoài, và được phụ huynh hoặc người giám hộ chấp thuận, hoặc nếu phụ huynh hoặc người giám hộ không có mặt hoặc không cho biết ưu tiên, cố vấn hoặc hiệu trưởng của trường ([WAC 180-51-068](http://WAC 180-51-068)).

\*\* Yêu cầu về lộ trình được cá nhân hóa là các khóa học liên quan dẫn đến kết quả giáo dục hoặc sự nghiệp sau trung học cụ thể do học sinh lựa chọn dựa trên sở thích của học sinh và Kế hoạch Trung học và Ngoài, có thể bao gồm Giáo dục Kỹ thuật và Nghề nghiệp, và nhằm mục đích cung cấp trọng tâm cho việc học của học sinh.

## How Do the 24-Credit Graduation Requirements Add Up?

$$17 + 3 + 4 = 24$$



\*For individual students, 2 credits may be waived: A district must adopt a written policy to waive up to 2 credits of the 24, based on the student's 'unusual circumstances.'

## 2. Hoàn thành thành công High School and Beyond Plan



**Kế hoạch trung học và xa hơn (HSBP)** là một quy trình chính thức được thiết kế để giúp học sinh suy nghĩ về các mục tiêu trong tương lai của họ và làm thế nào để hoàn thành những mục tiêu đó. Điều này bao gồm khám phá sở thích và lựa chọn nghề nghiệp, phát triển kế hoạch khóa học cho trường trung học và khám phá các cơ hội để phát triển kỹ năng. Học sinh tạo Kế hoạch Trung học và Ngoài ra với sự hợp tác của phụ huynh/người giám hộ và nhân viên nhà trường. Học sinh bắt đầu kế hoạch của mình vào lớp sáu (6) và sau đó tiếp tục sửa đổi chúng trong suốt trường trung học để phù hợp với sở thích hoặc mục tiêu thay đổi.

Kiểm tra nền tảng của Bang Washington, SchoolLinks, @ <https://www.schoolinks.com/>

## 3. Hoàn thành một lộ trình tốt nghiệp

<https://ospi.k12.wa.us/student-success/graduation/graduation-pathways>

# Graduation Pathways Quick Reference Class of 2026

## ASVAB Graduation Pathway

Score = 31 Check the [State Board of Education \(SBE\) website](#) by September 1st annually

## CTE Sequence Graduation Pathways

- Complete a sequence of state approved CTE courses earning 2.0 or more credits that either includes a dual credit course and/or provides access to or leads to an industry recognized credential
- Complete a state-recognized Core Plus program that results in a Core Plus Certificate
- Complete 2.0 or more CTE high school credits earned through a college approved Professional-Technical/Workforce program

## Math and English Language Arts (ELA) Graduation Pathways

Students must complete both an ELA and math option, and may combine any options below:

- College Admissions Exams (with or without Writing)

### Minimum Scores Needed for the Classes of 2017 Through 2026

Exam	ELA	Math
ACT	N/A	16
ACT with Writing	14	16
SAT or SAT with Essay	410	430

- Dual Credit ELA and math courses (1.0 credit total for ELA and/or math)
  - Advanced Placement (AP)/International Baccalaureate (IB)/Cambridge International (CI): Earn at least a C+ (each term) in [state-approved course](#)
  - College in the High School (CiHS), CTE Dual Credit, and Running Start: Earn high school credit (must be locally approved courses that count as math and/or ELA)
- Dual Credit exams (for state-approved courses in math and/or ELA)
  - AP = 3 or higher | CI = E or better | IB = 4 or higher
- Performance-based learning experience (district must adopt rules to offer this pathway)
  - Shows how the student meets or exceeds state learning standards in ELA and/or math
  - More information is on the SBE's [Performance-based Pathway webpage](#)
- Transition courses (1.0 credit total for ELA and/or math)
  - Bridge to College courses (approved by state)
  - Local placement agreements between districts and sponsoring colleges

For questions, email OSPI staff at [graduation.pathways@k12.wa.us](mailto:graduation.pathways@k12.wa.us) or [maria.muto@k12.wa.us](mailto:maria.muto@k12.wa.us)



Washington Office of Superintendent of  
**PUBLIC INSTRUCTION**

## Tiêu chuẩn nhập học đại học

Tiêu chuẩn nhập học đại học tối thiểu  
Tổng quan cho học sinh và phụ huynh  
Dành cho sinh viên vào một trường cao đẳng hoặc đại học

Trang web Yêu cầu Phân phối Tuyển sinh của Đại học Washington: <https://wsac.wa.gov/sites/default/files/CADRs-CollegeAcademicDistributionRequirements.pdf>

Học sinh được khuyến khích tham gia tối thiểu ba tín chỉ các khóa học CADR mỗi năm ở trường trung học, bao gồm cả năm cuối cấp.

Sinh viên tham gia các khóa học cấp đại học và hoàn thành tín chỉ 5 quý hoặc 3 tín chỉ học kỳ sẽ kiếm được tương đương với một tín chỉ CADR. Ngoài ra, các khóa học dự bị đại học bằng tiếng Anh và toán có thể tương đương với các khóa học CADR, miễn là chúng được thiết kế để đáp ứng kết quả học tập giống như các khóa học trung học mà họ thay thế.

Học sinh có thể đáp ứng các yêu cầu của trường trung học với các khóa học được thực hiện ở trường trung học cơ sở, miễn là các khóa học là một phần của trình tự được tiếp tục thành công ở trường trung học, hoặc các khóa học được đưa vào bảng điểm trung học như các khóa học cấp trung học.

Học khu Yakima chuẩn bị cho sinh viên tốt nghiệp của chúng tôi sẵn sàng sẵn sàng cho nghề nghiệp và đại học với các yêu cầu tốt nghiệp được nêu trong cuốn sách khóa học này. Các trường cao đẳng và đại học có các yêu cầu chung khác nhau duy nhất cho mỗi tổ chức. Tuy nhiên, có một số yêu cầu chung cho từng loại cao đẳng hoặc đại học. Mặc dù các yêu cầu cụ thể có thể khác nhau giữa các tổ chức, các hướng dẫn tối thiểu sau đây tồn tại:

**Tiếng Anh** - Bốn (4) tín chỉ, bao gồm ba (3) tín chỉ về sáng tác hoặc văn học dự bị đại học, bao gồm cả tiếng Anh Bridge to College. Một tín chỉ có thể được đáp ứng bởi các khóa học tiếng Anh tự chọn về kịch như văn học, nói trước công chúng, tranh luận, viết báo chí, tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai và tiếng Anh thương mại. Vượt qua bài đánh giá trung học bắt buộc của tiểu bang ở Reading tương đương với việc kiếm được hai (2) tín chỉ CADR đầu tiên của tiếng Anh trung học.

**Toán học** - Ba (3) tín chỉ: Đại số I, Hình học và Đại số II (đại số trung gian), hoặc Toán tích hợp 1, 2 và 3. Vượt qua bài kiểm tra trung học phổ thông bắt buộc của tiểu bang về toán tương đương với việc kiếm được hai (2) tín chỉ CADR đầu tiên của môn toán trung học (Đại số 1 và Hình học hoặc Toán tích hợp 1 và 2). Hoàn thành thành công môn toán thông qua giải tích trước đáp ứng yêu cầu về ba (3) tín chỉ toán học và yêu cầu toán năm cuối (bên dưới).

**Khóa học định lượng dựa trên toán học năm cuối - Một (1) tín chỉ nghiên cứu được yêu cầu trong khóa học định lượng dựa trên toán học trong năm cuối cấp.**

Yêu cầu này có thể được đáp ứng theo nhiều cách:

- Nếu năm thứ ba của CADR toán học tối thiểu đang được hoàn thành trong năm cuối cấp, chẳng hạn như đại số trung gian (Đại số II)
- Bằng cách hoàn thành một khóa học toán cấp cao (tiền giải tích, phân tích toán, giải tích, trình độ nâng cao của toán ứng dụng hoặc các khóa học kỹ thuật và nghề nghiệp dựa trên toán học)
- Bằng cách hoàn thành một khóa học định lượng dựa trên toán học (thống kê)
- Bằng cách hoàn thành một khóa học khoa học dựa trên đại số (hóa học, vật lý)
- Bằng cách hoàn thành khóa học Khoa học Máy tính AP
- Cầu nối đến Toán học đại học
- Bất kỳ khóa học định lượng dựa trên toán học cấp đại học hoặc khóa học toán dự bị đại học nào sẽ chuẩn bị cho sinh viên vào đại số đại học

**Khoa học - Cần có tối thiểu ba (3) tín chỉ trong khoa học.** Ít nhất hai trong số các tín chỉ đó phải dựa trên phòng thí nghiệm. Một tín chỉ phải là về sinh học, hóa học hoặc vật lý. Học sinh thường tham gia khóa học tín chỉ đầy đủ này trong hai học kỳ trung học liên tiếp. Ngoài ra, ít nhất một trong hai (2) tín chỉ của khoa học phòng thí nghiệm phải là một khóa học khoa học dựa trên đại số. Các nguyên tắc của công nghệ có thể áp dụng cho các yêu cầu khoa học trong phòng thí nghiệm. Tín dụng thứ ba không cần phải dựa trên phòng thí nghiệm. Một số khóa học có thể đáp ứng nhiều hơn một yêu cầu khoa học và nếu được thực hiện trong năm cuối cấp, cũng có thể đáp ứng yêu cầu định lượng dựa trên toán học năm cuối (bất kỳ khóa học khoa học dựa trên đại số nào).

**LƯU Ý:** Đại học Western Washington quy định rằng một tín chỉ phải là một khóa học vật lý hoặc hóa học dựa trên đại số.

**Ngôn ngữ thế giới** - Hai (2) tín chỉ phải đạt được trong cùng một ngôn ngữ thế giới, ngôn ngữ của người Mỹ bản địa hoặc Ngôn ngữ ký hiệu của Mỹ. Các trường có thể cấp tín chỉ dựa trên đánh giá năng lực được học khu phê

duyệt phù hợp với chính sách của Hội đồng Giáo dục Tiểu bang và Hướng dẫn Thành thạo của Hội đồng Hoa Kỳ về Giảng dạy Ngoại ngữ (ACTFL). Một khóa học Ngôn ngữ Thế giới được thực hiện ở trường trung học cơ sở có thể đáp ứng một tín chỉ của yêu cầu nếu khóa học cấp hai được hoàn thành ở lớp 9-12 trung học.

**Khoa học xã hội** - Ba (3) tín chỉ của lịch sử hoặc khoa học xã hội khác (ví dụ: nhân học, các vấn đề thế giới đương đại, kinh tế, chính phủ, địa lý, nghiên cứu dân tộc, xã hội học, khoa học chính trị, tâm lý học).

**Nghệ thuật** - Một (1) tín chỉ về mỹ thuật, thị giác hoặc biểu diễn – hoặc một (1) tín chỉ bổ sung trong các lĩnh vực môn học khác như đã định nghĩa ở trên. Các môn học được chấp nhận trong nghệ thuật mỹ thuật, thị giác hoặc biểu diễn bao gồm đánh giá cao nghệ thuật, ban nhạc, gốm sứ, hợp xướng, khiêu vũ, biểu diễn và sản xuất kịch, vẽ, nghệ thuật sợi, nghệ thuật đồ họa, thiết kế kim loại, đánh giá âm nhạc, lý thuyết âm nhạc, dàn nhạc, hội họa, nhiếp ảnh, in ấn, hoặc điêu khắc.

**LƯU Ý:** Đại học Washington và Đại học Western Washington chỉ định một nửa tín chỉ về nghệ thuật mỹ thuật, thị giác hoặc biểu diễn. Nửa còn lại có thể là trong nghệ thuật hoặc một môn tự chọn học thuật.

Học sinh nên tham khảo ý kiến của cố vấn trường trung học của mình để có được thông tin đầy đủ về các tiêu chuẩn nhập học đại học tối thiểu và để biết khóa học nào tại trường trung học của họ đáp ứng các hướng dẫn CADR, như được xác định bởi khu học chánh của chúng tôi.

## Tính đủ điều kiện của NCAA cho sinh viên tương lai

Thông tin tính đến tháng 2 năm 2025:

Trước khi một học sinh trung học có thể đủ điều kiện để chơi các môn thể thao Division I, họ phải đáp ứng các yêu cầu học tập ở trường trung học. Những tiêu chuẩn đó bao gồm:

- hoàn thành thành công 16 khóa học cốt lõi.
- hoàn thành thành công 10 trong tổng số 16 khóa học cốt lõi bắt buộc trước khi bắt đầu năm cuối cấp ở trường trung học.
- Kiểm được điểm trung bình khóa học lõi tối thiểu 2.3 NCAA

(Xem liên kết bên dưới để biết Division II và III, các yêu cầu bổ sung của Division I)

Thông tin liên quan đến NCAA có thể được tìm thấy tại <https://www.ncaa.org/sports/2021/2/8/student-athletes-future.aspx>

Vui lòng gặp nhân viên tư vấn của bạn để biết thêm thông tin.

## Vị trí nâng cao (AP) - Eisenhower

Học khu Yakima cung cấp nhiều cơ hội cho học sinh, trong khi họ đang học trung học, để kiếm được tín chỉ đại học hoặc nhận được xếp lớp nâng cao vào đại học.

### Vị trí nâng cao

Các chương trình Xếp lớp Nâng cao là các khóa học và kỳ thi cấp đại học được cung cấp tại Eisenhower. Học sinh có cơ hội nhận được xếp lớp nâng cao và tín chỉ đại học. Khóa học chuyên sâu này bao gồm các cơ hội đọc, viết, phân tích và thảo luận bổ sung.

**Cơ hội nghề nghiệp:** AP chuẩn bị cho sinh viên cho tương lai bằng cách cung cấp cho họ các công cụ sẽ phục vụ họ tốt trong suốt sự nghiệp đại học của họ.

**Làm thế nào để tham gia vào Chương trình AP:** Làm việc với cố vấn của bạn và nói chuyện với các giáo viên AP để giúp lập kế hoạch cho các khóa học của bạn.

### LỚP CHÍNH

- TÔN VINH HÌNH HỌC

- AP ĐỊA LÝ NHÂN VĂN
- DANH DỰ TIẾNG ANH 9
- AP SINH HỌC

### **LỚP MƯỜI**

- AP SINH HỌC
- DANH DỰ ĐẠI SỐ 2
- TÔN VINH LỊCH SỬ THẾ GIỚI
- AP LỊCH SỬ THẾ GIỚI
- DANH DỰ TIẾNG ANH 10
- AP HÓA HỌC

### **LỚP MƯỜI MỘT**

- AP HÓA HỌC
- AP TRƯỚC TÍNH TOÁN
- AP LỊCH SỬ HOA KỲ
- AP VĂN HỌC TIẾNG ANH 11
- TÂM LÝ HỌC AP
- AP KHOA HỌC MÁY TÍNH
- AP KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG
- LÝ THUYẾT ÂM NHẠC AP
- AP ESPAÑOL
- AP ESPAÑOL
- AP/CWU ENG101 ACADEMIC WRITING: ĐỌC VÀ PHẢN HỒI PHÊ BÌNH
- THÀNH PHẦN ĐẠI HỌC AP/EWU ENGL101: TRÌNH BÀY & LẬP LUẬN

### **LỚP MƯỜI HAI**

- AP HÓA HỌC
- AP VẬT LÝ
- AP VIETNAMESE 12
- AP GOVERNMENT & CIVICS
- TÂM LÝ HỌC AP
- AP KHOA HỌC MÁY TÍNH
- AP KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG
- LÝ THUYẾT ÂM NHẠC AP
- AP ESPAÑOL
- AP ESPAÑOL

## **Tín dụng kép - Davis, Eisenhower**

Tín dụng kép cung cấp cho học sinh khả năng kiếm được tín chỉ trung học và đại học cùng một lúc thông qua việc hoàn thành thành công một khóa học và/hoặc kỳ thi tương ứng. Các lựa chọn dựa trên kỳ thi bao gồm Xếp lớp Nâng cao (AP) (được cung cấp tại Eisenhower & Yakima Online) và các chương trình Tú tài Quốc tế (IB) (chỉ được cung cấp tại Trường Davis HIGH). Các lựa chọn tín chỉ kép dựa trên khóa học bao gồm Tín dụng kép Giáo dục Kỹ thuật và Nghề nghiệp (CTE), Cao đẳng trong Trường Trung học (CIHS) và các chương trình Bắt đầu Chạy (RS). Các yêu cầu về tính đủ điều kiện và tính khả dụng của mỗi chương trình khác nhau, và các quy trình ghi danh và các bước phiên âm riêng biệt có thể được yêu cầu để điểm thi hoặc hoàn thành khóa học để đạt được tín chỉ đại học.

Tại sao tín dụng kép? Trong thế giới ngày nay, hai phần ba của tất cả các công việc đòi hỏi một số đào tạo hoặc giáo dục sau trung học. Lấy tín chỉ kép có liên quan đến tỷ lệ tốt nghiệp trung học cao hơn, ghi danh đại học và hoàn thành bằng cấp.

# Dual Credit Comparison

	<b>College in the High School (CHS)</b>	<b>Running Start</b>	<b>CTE Tech Prep</b>	<b>Advanced Placement (AP) Courses</b>	<b>International Baccalaureate (IB) Courses</b>
<b>Learning Environment</b>	High School	College Campus	High School	High School	High School
<b>Students remain with high school peers and friends</b>	Yes	Maybe	Yes	Yes	Yes
<b>Courses conflict with other high school programs</b>	No	Maybe	No	No	No
<b>Programs conflict with district academic calendar</b>	No	Likely	No	No	No
<b>Homework time available in class</b>	Likely	Unlikely	Likely	Likely	Likely
<b>State revenue lost to your school districts per FTE</b>	No	Yes	No	No	No
<b>Teacher qualifications</b>	Approved by CWU or EWU, professional development required	Approved by University or College faculty	Approved by district	Approved by district	Approved by district
<b>College credit earned</b>	By meeting CWU or EWU course standards; assignments, quizzes and exams	By meeting individual teacher's course objectives	Based on grade received (usually B or better)	By score on one final standardized exam	By score on one final standardized test
<b>Teacher evaluation</b>	By high school, students, and site visits and observations by university liaison	By college department and students	By high school administration	By high school administration	By high school administration
<b>Student Eligibility</b>	Placement test, or successful completion of previous coursework	Placement test, space available, GPA, etc	Teacher Discretion	Teacher Discretion	Teacher Discretion
<b>Age limitations</b>	Grades 9-12	Junior or Senior standing	None	None (usually offered to 11 <sup>th</sup> /12 <sup>th</sup> graders)	None (usually offered to 11 <sup>th</sup> /12 <sup>th</sup> graders)
<b>Tuition</b>	Free for public school	None	None	None	None
<b>Credit transferability</b>	Accepted by most regional colleges and universities	Accepted by most regional colleges and universities	Accepted by WA community colleges & tech schools; varies by 4-year college & university	Most regional colleges require score of 3 or higher on AP Test	Varies by each college or university; based on scores (usually 4 or higher) and IB level (HL vs SL)
<b>Other considerations</b>	University resources for success are available to teachers and students	College classes do not restrain content to accommodate high school students	Programs offer the opportunity to earn industry certificates and credentials	Every college/university has different AP test acceptance policy	Every college/university has different IB test acceptance policy

## **TÙY CHỌN DỰA TRÊN BÀI KIỂM TRA YSD** **TÚ TÀI QUỐC TẾ (IB) \* Chỉ trường trung học Davis**

**VỊ TRÍ NÂNG CAO (AP) \* Trường trung học Eisenhower & Yakima chỉ trực tuyến\***

## **TÙY CHỌN DỰA TRÊN KHÓA HỌC YSD** **CAO ĐẲNG TRONG TRƯỜNG TRUNG HỌC**

**Kiểm tín chỉ đại học ở trường trung học!** Nếu bạn đăng ký vào các lớp **College in the High School (CIHS)**, bạn có thể ở hai nơi cùng một lúc. **College in the High School** là một chương trình tín chỉ kép tạo cơ hội cho học sinh nhận tín chỉ đại học để tham gia các khóa học đủ điều kiện trong khi vẫn còn học trung học. Không có chi phí để tham gia các khóa học này trong khi ở trường trung học.

Sinh viên phải đáp ứng các yêu cầu tương tự như sinh viên tham gia lớp học tại trường đại học. Để thiết lập bảng điểm đại học và nhận được tín chỉ và điểm số, mỗi học sinh phải nộp mẫu đăng ký cho giáo viên 'Cao đẳng trong Trường Trung học' trung học của họ và đăng ký trực tuyến thông qua trường đại học.

Học sinh tham gia CIHS nên có

- Tham dự tốt
- Thành công đã được chứng minh trong các lớp học: Lớp C trở lên (gp.a. 2.0 trở lên) (B và A là tốt nhất)
- Hoàn thành thành công các môn học trung học hoặc đại học trước đó và/hoặc kỳ thi xếp lớp đại học (nếu cần)
- Điểm đọc SBA là 2, 3 hoặc 4 và đọc trên mức đọc cho Đọc 180. Nếu một sinh viên thoát khỏi chương trình sửa chữa Read 180, họ có thể tham gia khóa học CIHS.

Học sinh có thể tham gia với tư cách là sinh viên năm nhất hoặc tại bất kỳ thời điểm nào trong sự nghiệp trung học của mình khi các tiêu chí trên đã được đáp ứng.

### **CÁC KHÓA HỌC CIHS ĐƯỢC PHÊ DUYỆT BỞI TRƯỜNG TRUNG HỌC** (Tính khả dụng của khóa học thay đổi hàng năm)

<b>TRƯỜNG TRUNG HỌC DAVIS</b>	<b>TRƯỜNG TRUNG HỌC EISENHOWER</b>	<b>CÔNG NGHỆ YV-</b>
<b>ĐẠI HỌC ĐÔNG WASHINGTON</b>		
EWU CHEM 100 GIỚI THIỆU VỀ HÓA HỌC	EWU BIOL 100 SINH HỌC	
EWU CHEM 171 HÓA HỌC ĐẠI CƯƠNG	EWU CRWR 210 GIỚI THIỆU VỀ VIẾT SÁNG TẠO	
	THÀNH PHẦN ĐẠI HỌC EWU ENGL 101: TRÌNH BÀY & LẬP LUẬN	
	AP EWU ENGL 101 THÀNH PHẦN ĐẠI HỌC: TRÌNH BÀY & LẬP LUẬN	
	EWU ENGL 170 GIỚI THIỆU VỀ VĂN HỌC	
	THÀNH PHẦN CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC EWU ENGL 201: PHÂN TÍCH, NGHIÊN CỨU & TÀI LIỆU	
	EWU PHED 150 TẬP THỂ DỤC NHANH	
	EWU PHED 152 SỨC MẠNH/TẬP TẠ	
	EWU PSYC 100 TÂM LÝ HỌC CHUNG	
<b>ĐẠI HỌC TRUNG TÂM WASHINGTON</b>		
CWU ASL 151 NGÔN NGỮ KÝ HIỆU MỸ 1	CWU BIOL 101 NGUYÊN TẮC CƠ BẢN CỦA SINH HỌC	CWU BIOL 201 SINH LÝ CON NGƯỜI
CWU BIOL101 NGUYÊN TẮC CƠ BẢN CỦA SINH HỌC	CWU BIOL 201 SINH LÝ CON NGƯỜI	CWU PEF 110 BÀI TẬP ĐIỀU HÒA
CWU COM 250 GIỚI THIỆU VỀ NÓI TRƯỚC CÔNG CHÚNG	CWU COM 250 GIỚI THIỆU VỀ NÓI TRƯỚC CÔNG CHÚNG	CWU PUHB 209 SỨC KHỎE NGƯỜI TIỂU DÙNG
CWU ENG 101 ACADEMIC WRITING I: ĐỌC PHẢN BIỆN & PHẢN HỒI	AP CWU ENG 101 ACADEMIC WRITING I: ĐỌC PHẢN BIỆN & PHẢN HỒI	TẬP TẠ CWU PEF 113

<b>TRƯỜNG TRUNG HỌC DAVIS</b>	<b>TRƯỜNG TRUNG HỌC EISENHOWER</b>	<b>CÔNG NGHỆ YV-</b>
LỊCH SỬ CWU LỊCH SỬ 143 HOA KỲ ĐẾN 1865	AP CWU ENG 105 TRÍ TƯỞNG TƯỢNG VĂN HỌC: GIỚI THIỆU VỀ VĂN HỌC	CWU EDBL 250 DÂN TỘC & VĂN HÓA THIỂU SỐ TRONG GIÁO DỤC
CWU HIST 144 LỊCH SỬ HOA KỲ KỂ TỪ NĂM 1865	CWU ENST 201 TRÁI ĐẤT NHƯ MỘT HỆ SINH THÁI	CWU EFC 250 GIỚI THIỆU VỀ GIẢNG DẠY
CWU MATH 152 CHỨC NĂNG & LÝ LUẬN	CWU ENST 202 MÔI TRƯỜNG & XÃ HỘI	
CWU MUS 103 LỊCH SỬ CỦA ROCK & ROLL	CWU HIST 143 LỊCH SỬ CHÚNG TÔI ĐẾN 1865	
CWU PEF 110 BÀI TẬP ĐIỀU HÒA	CWU HIST 144 LỊCH SỬ HOA KỲ KỂ TỪ NĂM 1865	
TẬP TẠ CWU PEF 113	TOÁN HỌC CWU 101 TRONG THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI	
CWU PEF 123 ĐI BỘ AEROBIC	CWU MATH 102 RA QUYẾT ĐỊNH TOÁN HỌC	
VẬT NUÔI CWU 113 BÓNG ĐÁ	CWU MATH 152 CHỨC NĂNG & LÝ LUẬN	
CWU PUBH 209 SỨC KHỎE NGƯỜI TIỂU DÙNG	CWU MATH 153 TIỀN GIẢI TÍCH I	
CWU TH107 GIỚI THIỆU VỀ RẠP HÁT	AP CWU MATH 153 TIỀN GIẢI TÍCH I	
	TOÁN CWU 154 TIỀN GIẢI TÍCH II	
	AP CWU MATH 154 TIỀN GIẢI TÍCH II	
	AP CWU MATH 172 GIẢI TÍCH 1	
	AP CWU MATH 173 GIẢI TÍCH 2	
	CWU MUS 105 WORLD MUSIC	
	CWU PEF 110 BÀI TẬP ĐIỀU HÒA	
	CWU PEF 123 ĐI BỘ AEROBIC	
	VẬT NUÔI CWU 113 BÓNG ĐÁ	
	CWU PUBH 209 SỨC KHỎE NGƯỜI TIỂU DÙNG	
	CWU SPAN 152 NĂM ĐẦU TIÊN NGƯỜI TÂY BAN NHA	

### **GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP/NGHỀ NGHIỆP & KỸ THUẬT KIỂM TÍN CHỈ KÉP CÁC LỚP HỌC CTE TRONG CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC**

- ROBOT, KỸ THUẬT & SẢN XUẤT NÂNG CAO
- SOẠN THẢO KIẾN TRÚC
- KHÓA HỌC Y SINH
- TRUYỀN THÔNG KINH DOANH 1 & 2
- NGHỀ NGHIỆP TRONG GIÁO DỤC
- SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ
- ĐỒ HỌA KỸ THUẬT/CAD
- HOẠT ĐỘNG NHÀ KÍNH
- HỆ THỐNG CƠ THỂ NGƯỜI
- TIẾP THỊ
- HỌC VIỆN MICROSOFT- CÔNG VIỆC, EXCEL, POWERPOINT, TRUY CẬP
- SOẠN THẢO CƠ KHÍ
- KHOA HỌC THỰC VẬT
- NGUYÊN TẮC CỦA KHOA HỌC Y SINH
- Y HỌC THỂ THAO

### **CÔNG NGHỆ YV-**

- CÔNG NGHỆ Ô TÔ
- NGÀNH XÂY DỰNG
- THẨM MỸ HỌC
- NGHỆ THUẬT ẨM THỰC
- ĐIỆN
- ĐIỀU DƯỠNG
- KỸ THUẬT VIÊN VẬT LÝ TRỊ LIỆU

• TRỢ LÝ TIỀN Y TẾ

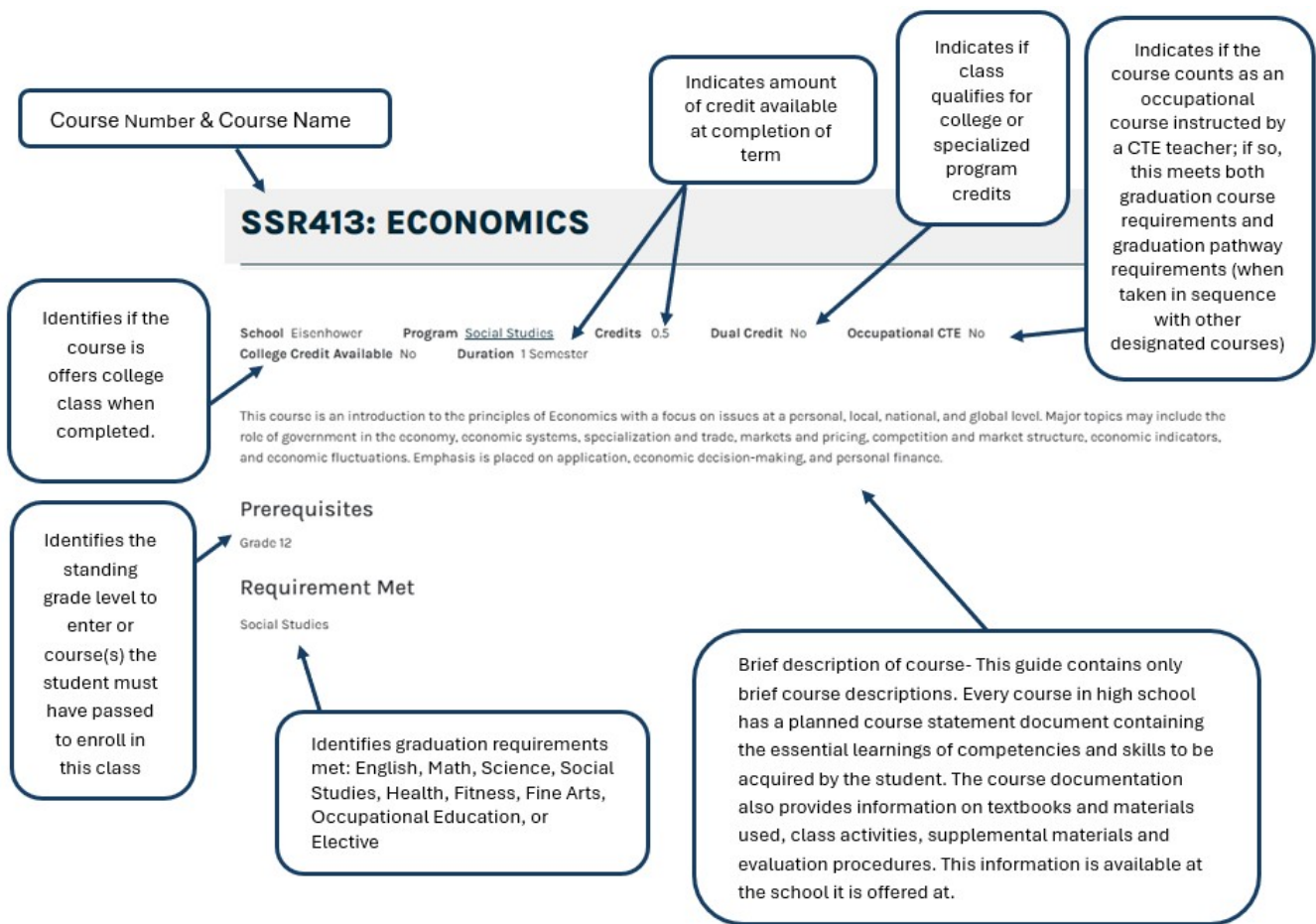
**CHẠY BẮT ĐẦU**

Chương trình Running Start là sự hợp tác giữa Trường Cao đẳng Yakima Valley và Trường Công lập Yakima. Chương trình cung cấp cho học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học đủ điều kiện cơ hội ghi danh vào các lớp đại học thông thường trong khuôn viên YVC và nhận được cả tín chỉ trung học và đại học cho các lớp đó. Tính đủ điều kiện cho Running Start dựa trên việc xếp lớp vào tiếng Anh 101 và Toán 085 trong kỳ thi xếp lớp của YVC.

Sinh viên có thể chọn tham dự bán thời gian hoặc toàn thời gian. Sinh viên Running Start không trả học phí đại học; tuy nhiên, tất cả các chi phí khác phải được trả bởi sinh viên; bao gồm vận chuyển, phí phòng thí nghiệm và sách và đồ dùng cần thiết. Running Start không bao gồm học phí cho các khóa học dưới cấp đại học (dưới 100 cấp), bất kỳ tín chỉ nào trên 15 mỗi quý hoặc bất kỳ tín chỉ nào trên phân bổ 1.2 FTE kết hợp giữa các khóa học trung học và đại học.

**Làm thế nào để sử dụng hướng dẫn này**

Hướng dẫn Chương trình giảng dạy này được chuẩn bị để học sinh có thể xem lại tất cả các khóa học có sẵn tại các trường trung học. Mặc dù nhiều khóa học tại các trường tương tự nhau, nhưng mỗi trường có một số chương trình và lớp học duy nhất cho trường đó. Điều quan trọng là phải hiểu các điều kiện tiên quyết cho từng lớp và yêu cầu tốt nghiệp mà mỗi lớp đáp ứng. Ví dụ dưới đây nêu bật các yếu tố của từng mô tả khóa học.



# Cung cấp khóa học

## Anh - Eisenhower

Để đảm bảo sinh viên có thể chứng minh sự sẵn sàng vào đại học và nghề nghiệp trong nghệ thuật và khả năng đọc viết tiếng Anh như được chứng minh bằng:

- Đọc kỹ và phân tích để hiểu một loạt các văn bản văn học và thông tin ngày càng phức tạp
- Sản xuất văn bản hiệu quả và có cơ sở cho nhiều mục đích và đối tượng
- Sử dụng kỹ năng nói và nghe hiệu quả cho nhiều mục đích và đối tượng
- Tham gia vào nghiên cứu và điều tra để điều tra các chủ đề, và để phân tích, tích hợp và trình bày thông tin

**Cơ hội nghề nghiệp:** Tất cả các ngành nghề đều yêu cầu kiến thức về tiếng Anh cơ bản. Sinh viên xuất sắc trong tiếng Anh có thể quan tâm đến các nghề nghiệp trong: luật, y học, báo chí, giảng dạy, phát thanh truyền hình, viết, nghệ thuật biểu diễn.

LỚP 9	LỚP 10	LỚP 11	LỚP 12
<ul style="list-style-type: none"><li>• TIẾNG ANH 9</li><li>• DANH DỰ TIẾNG ANH 9</li><li>• CHỨC NĂNG ĐỌC/TIẾNG ANH</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>• TIẾNG ANH 10</li><li>• DANH DỰ TIẾNG ANH 10</li><li>• CHỨC NĂNG ĐỌC/TIẾNG ANH</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>• TIẾNG ANH 11</li><li>• TIẾNG ANH CHUẨN BỊ ĐẠI HỌC 11</li><li>• AP TIẾNG ANH</li><li>• AP/CWU ENG101 ACADEMIC WRITING: ĐỌC VÀ PHẢN HỒI PHÊ BÌNH</li><li>• THÀNH PHẦN ĐẠI HỌC AP/EWU ENGL101: TRÌNH BÀY &amp; LẬP LUẬN</li><li>• THÀNH PHẦN CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC EWU ENGL201: PHÂN TÍCH, NGHIÊN CỨU &amp; TÀI LIỆU</li><li>• CHỨC NĂNG ĐỌC/TIẾNG ANH</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>• TIẾNG ANH 12</li><li>• TIẾNG ANH CHUẨN BỊ ĐẠI HỌC 12</li><li>• AP VĂN HỌC ANH</li><li>• CHỨC NĂNG ĐỌC/TIẾNG ANH</li></ul>

MÔN TỰ CHỌN	GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP/NGHỀ NGHIỆP & KỸ THUẬT (TÍN CHỈ TIẾNG ANH)	YV TECH (TÍN DỤNG TIẾNG ANH)
<ul style="list-style-type: none"><li>• ELD PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ HỌC THUẬT 1</li><li>• ESL CẤP 1, 2, 3</li><li>• NGHỆ THUẬT NGÔN NGỮ 1A, 1B</li><li>• ĐỌC</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>• TRUYỀN THÔNG KINH DOANH</li><li>• NGHỀ NGHIỆP TRONG GIÁO DỤC</li><li>• BÁO CHÍ KỸ THUẬT SỐ &amp; IN</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>• QUẢN TRỊ KINH DOANH</li><li>• XÂY DỰNG CORE PLUS</li><li>• GIẢI TRÍ MEDIA PRODUCTION</li><li>• HỌC VIỆN GIÁO VIÊN</li></ul>

**Mã khóa học** BUS317, BUS318

**Tên tác phẩm** BUSINESS COMMUNI

**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE  
Tiếng Anh

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** BUS326, BUS327, BUS426, BUS427

**Tên tác phẩm** DIGITAL & PRINT JOURNALISM

**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE  
Tiếng Anh

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** BUS417, BUS418

**Tên tác phẩm** BUSINESS COMMUNI

**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE  
Tiếng Anh

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** ENR111, ENR112

**Tên tác phẩm** ENGLISH 9

**Chương trình** Tiếng Anh

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** ENR121, ENR122  
**Tên tác phẩm** ENGLISH AS A SECOND LANGUAGE (ESL) LEVEL 1  
**Chương trình** Tiếng Anh  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** ENR124, ENR125  
**Tên tác phẩm** ENGLISH AS A SECOND LANGUAGE (ESL) LEVEL 2  
**Chương trình** Tiếng Anh  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** ENR127, ENR128  
**Tên tác phẩm** ENGLISH AS A SECOND LANGUAGE (ESL) LEVEL 3  
**Chương trình** Tiếng Anh  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** ENR134, 135  
**Tên tác phẩm** ACADEMIC LANGUAGE DEVELOPMENT  
**Chương trình** Tiếng Anh  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** ENR151, ENR152  
**Tên tác phẩm** HONORS ENGLISH 9  
**Chương trình** Tiếng Anh  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** ENR211, ENR212  
**Tên tác phẩm** ENGLISH 10  
**Chương trình** Tiếng Anh  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** ENR251, ENR252  
**Tên tác phẩm** HONORS ENGLISH 10  
**Chương trình** Tiếng Anh  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** ENR351, ENR352  
**Tên tác phẩm** ENGLISH 11  
**Chương trình** Tiếng Anh  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** ENR355, ENR356  
**Tên tác phẩm** COLLEGE PREP ENGLISH 11  
**Chương trình** Tiếng Anh  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** ENR358  
**Tên tác phẩm** EWU ENG L101 Composition  
**Chương trình** Tiếng Anh  
**Tín dụng** 1

**Mã khóa học** ENR359  
**Tên tác phẩm** EWU ENGL201 COLLEGE COMPOSITION: ANALYSIS, RESEARCH & DOCUMENTATION  
**Chương trình** Tiếng Anh  
**Tín dụng** 1

**Mã khóa học** ENR361, ENR362  
**Tên tác phẩm** AP ENGLISH LANGUAGE  
**Chương trình** Tiếng Anh  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** ENR451, ENR452  
**Tên tác phẩm** ENGLISH 12  
**Chương trình** Tiếng Anh  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** ENR455, ENR456  
**Tên tác phẩm** COLLEGE PREP ENGLISH 12  
**Chương trình** Tiếng Anh  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** ENR461, ENR462  
**Tên tác phẩm** AP ENGLISH LITERATURE  
**Chương trình** Tiếng Anh  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** EN R467  
**Tên tác phẩm** AP/CWU ENG101 ACADEMIC WRITING 1: CRITICAL READING & RESPONDING  
**Chương trình** Tiếng Anh  
**Tín dụng** 1

**Mã khóa học** ENS110, ENS111  
**Tên tác phẩm** LANGUAGE ART 1A, 1 B  
**Chương trình** Tiếng Anh  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** ENZ090  
**Tên tác phẩm** F UNCTIONAL Reading  
**Các chương trình** Các Chương Trình Giáo Dục Đặc Biệt  
Tiếng Anh  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** ENZ101, ENZ102  
**Tên tác phẩm** ENGLISH 9  
**Các chương trình** Các Chương Trình Giáo Dục Đặc Biệt  
Tiếng Anh  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** ENZ104, ENZ105  
**Tên tác phẩm** READING  
**Các chương trình** Các Chương Trình Giáo Dục Đặc Biệt  
Tiếng Anh  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** ENZ201, ENZ202  
**Tên tác phẩm** ENGLISH 10  
**Các chương trình** Các Chương Trình Giáo Dục Đặc Biệt  
Tiếng Anh  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** ENZ301, ENZ302  
**Tên tác phẩm** ENGLISH 11  
**Các chương trình** Các Chương Trình Giáo Dục Đặc Biệt  
Tiếng Anh  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** ENZ401, ENZ402  
**Tên tác phẩm** ENGLISH 12  
**Các chương trình** Các chương trình giáo dục đặc biệt  
Tiếng Anh  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** HCE101, HCE102  
**Tên tác phẩm** CAREERS IN EDUCATION  
**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE  
Tiếng Anh  
**Tín dụng** 0.5

# Toán học - Eisenhower

Điều quan trọng là tất cả học sinh phải có cơ hội đạt được sự chuẩn bị mạnh mẽ về toán học như khả năng của họ sẽ cho phép. Việc phát triển các kỹ năng điều tra và giải quyết vấn đề sẽ cung cấp cho sinh viên cơ hội phát triển trí tuệ tối đa và một loạt các lựa chọn nghề nghiệp tối ưu. Cách tiếp cận giải quyết vấn đề để học tập không chỉ cung cấp một bối cảnh tự nhiên để xem xét các chủ đề từ kinh doanh, ngành công nghiệp và các nguồn định hướng nghề nghiệp khác, mà còn đóng vai trò là phương tiện chính để học tập trong tất cả các lĩnh vực phát triển giáo dục.

Học sinh YSD làm việc để chứng minh sự thành thạo trong các khái niệm và thực hành toán học. Học sinh tham gia vào các thực hành toán học sau đây như một cách để xây dựng sự hiểu biết khái niệm về nội dung:

1. Hiểu các vấn đề và kiên trì giải quyết chúng
2. Xây dựng các lập luận khả thi và phê bình lý luận của người khác
3. Lý do trừu tượng và định lượng
4. Mô hình với toán học
5. Tham gia vào sự chính xác
6. Sử dụng các công cụ thích hợp một cách chiến lược
7. Tìm kiếm và tận dụng cấu trúc
8. Tìm kiếm và thể hiện sự đều đặn trong lý luận lập đi lập lại. Học sinh chuyển từ khóa học này sang khóa học tiếp theo, tiến bộ thông qua các tiêu chuẩn nội dung trong khi liên tục xem xét lại và tham gia vào tám thực hành toán học tương tự.

KHÓA HỌC ĐẠI SỐ	CÁC KHÓA HỌC HÌNH HỌC	3 TỰ CHỌN TOÁN HỌC NĂM THỨ 3	TỰ CHỌN
<ul style="list-style-type: none"> <li>• ĐẠI SỐ I</li> <li>• ĐẠI SỐ TÍCH HỢP 1</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• HÌNH HỌC</li> <li>• HONORS GEOMETRY</li> <li>• HÌNH HỌC TÍCH HỢP</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• ĐẠI SỐ II</li> <li>• DANH DỰ ĐẠI SỐ II</li> <li>• MÔ HÌNH HÓA THẾ GIỚI CỦA CHÚNG TA VỚI TOÁN HỌC</li> <li>• CWU MATH101 TOÁN HỌC TRONG THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI</li> <li>• CWU MATH102 RA QUYẾT ĐỊNH TOÁN HỌC</li> <li>• AP CWU MATH153 PRE-CALCULUS I</li> <li>• AP CWU MATH154 TIỀN TÍNH TOÁN II</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• TOÁN NỀN TẢNG (CHỈ DÀNH CHO SINH VIÊN ELD)</li> <li>• PHÒNG THÍ NGHIỆM TOÁN</li> </ul>

GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP/NGHỀ NGHIỆP & KỸ THUẬT (MATH CREDIT)	YV TECH (TÍN DỤNG TOÁN HỌC)
<ul style="list-style-type: none"> <li>• CƠ HỌC AG</li> <li>• SOẠN THẢO KIẾN TRÚC</li> <li>• BẢN VẼ KỸ THUẬT/CAD</li> <li>• CÔNG NGHỆ CHẾ TẠO 1</li> <li>• TOÁN TÀI CHÍNH</li> <li>• KHOA HỌC THỰC PHẨM</li> <li>• ĐẠI SỐ TÍCH HỢP 1</li> <li>• HÌNH HỌC TÍCH HỢP</li> <li>• ROBOT, KỸ THUẬT &amp; SẢN XUẤT NÂNG CAO</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• BUSINESS ADMINISTRATION</li> <li>• COMPUTER TECHNICIAN</li> <li>• NGÀNH XÂY DỰNG</li> <li>• LỐI CỘNG VỚI XÂY DỰNG I</li> <li>• NGHỆ THUẬT ÂM THỰC II</li> <li>• AN NINH MẠNG</li> <li>• ĐIỆN</li> <li>• ENTERTAINMENT MEDIA PRODUCTION</li> <li>• GIA CÔNG VÀ CƠ KHÍ CÔNG NGHIỆP</li> </ul>

**Mã khóa học** AGA304, AGA305, AGA306, AGA 307

**Tên tác phẩm** AGRICULTURAL

**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE  
Toán

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** BUS334, BUS335

**Tên tác phẩm** FINANCIAL MATH

**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE  
Toán

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** HFL250, HFL25 1

**Tên tác phẩm** FOOD SCIENCE A (YEAR 1)

**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE

Toán  
Khoa học

Tín dụng 0.5

**Mã khóa học** MAT085/ 086

**Tên tác phẩm** FOUNDATION MATH

**Chương trình** Toán

Tín dụng 0.5

**Mã khóa học** MAT121, MAT122

**Tên tác phẩm** ALGEB RA 1

**Chương trình** Toán

Tín dụng 0.5

**Mã khóa học** MAT141, MAT142

**Tên tác phẩm** INTEGRATED ALGEB RA 1

**Các chương trình** Toán

Nghề nghiệp/CTE

Tín dụng 0.5

**Mã khóa học** MAT151, MAT152

**Tên tác phẩm** HONORS GEOMETRY

**Chương trình** Toán

Tín dụng 0.5

**Mã khóa học** MAT221, MAT222

**Tên tác phẩm** GEOMETRY

**Chương trình** Toán

Tín dụng 0.5

**Mã khóa học** MAT251, MAT252

**Tên tác phẩm** HONORS ALGEBRA 2

**Chương trình** Toán

Tín dụng 0.5

**Mã khóa học** MAT321, MAT322

**Tên tác phẩm** ALGEBRA 2

**Chương trình** Toán

Tín dụng 0.5

**Mã khóa học** MAT325, MAT326

**Tên tác phẩm** MODELING OUR WORLD WITH MATHEMATICS

**Chương trình** Toán

Tín dụng 0.5

**Mã khóa học** MAT331, MAT332

**Tên tác phẩm** INTEGRATED GEOMETRY

**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE

Toán

Tín dụng 0.5

**Mã khóa học** MAT351, MAT352

**Tên tác phẩm** HONORS PRE-CALCULUS

**Chương trình** Toán

Tín dụng 0.5

**Mã khóa học** MAT383

**Tên tác phẩm** CWU MATH 153 PRECALCULUS I

**Chương trình** Toán

Tín dụng 0.5

**Mã khóa học** MAT384

**Tên tác phẩm** CWU MATH 154 PRE-CALCULUS II

**Chương trình** Toán

Tín dụng 0.5

**Mã khóa học** MAX905, MAX906

**Tên tác phẩm** MATH LAB

**Chương trình** Toán

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** TED104, TED105

**Tên tác phẩm** ENGINEERING DRAWING/CAD

**Các chương trình** Mỹ thuật

Toán

Nghề nghiệp/CTE

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** TED211, TED212

**Tên tác phẩm** ARCTURAL DRAFTING

**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE

Mỹ thuật

Toán

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** TEM211, TEM212

**Tên tác phẩm** WELDING TECHNOLOGY I

**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE

Toán

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** TET334, TET335

**Tên tác phẩm** Advanced ROBOTICS, ENGINEERING, & MANUFACTURING

**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE

Toán

**Tín dụng** 0.5

## Khoa học - Eisenhower

Trong các khóa học khoa học trung học, học sinh YSD làm việc để chứng minh sự thành thạo trong các khái niệm và thực hành khoa học. Học sinh tham gia vào các thực hành khoa học sau đây như một cách để xây dựng sự hiểu biết khái niệm về nội dung:

- đặt câu hỏi và xác định vấn đề;
- phát triển và sử dụng các mô hình;
- lập kế hoạch và thực hiện điều tra;
- phân tích và giải thích dữ liệu;
- sử dụng toán học và tư duy tính toán;
- xây dựng giải thích và thiết kế các giải pháp;
- tham gia tranh luận từ bằng chứng; và
- thu thập, đánh giá và truyền đạt thông tin.

Học sinh chuyển từ khóa học này sang khóa học tiếp theo thông qua các tiêu chuẩn nội dung trong khi liên tục xem xét lại và tham gia vào tám thực hành khoa học giống nhau.

CÁC KHÓA HỌC KHOA HỌC	KHOA HỌC AP
<ul style="list-style-type: none"><li>• SINH HỌC</li><li>• HÓA HỌC HOẶC HÓA HỌC DANH DỰ</li><li>• KHOA HỌC TRÁI ĐẤT &amp; KHÔNG GIAN</li><li>• VẬT LÝ</li><li>• EWU BIOL100 GIỚI THIỆU VỀ SINH HỌC</li><li>• GIỚI THIỆU VỀ SINH LÝ HỌC</li><li>• CWU ENST201 TRÁI ĐẤT NHƯ MỘT HỆ SINH THÁI</li><li>• CWU ENST202 MÔI TRƯỜNG &amp; XÃ HỘI</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>• HÓA HỌC AP</li><li>• KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG AP</li></ul>

GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP/NGHỀ NGHIỆP & KỸ THUẬT (SCIENCE CREDIT)	YV TECH (TÍN DỤNG KHOA HỌC)
<ul style="list-style-type: none"> <li>• KHOA HỌC THỰC PHẨM</li> <li>• HOẠT ĐỘNG NHÀ KÍNH</li> <li>• HỆ THỐNG CƠ THỂ NGƯỜI</li> <li>• NGUYÊN TẮC CỦA KHOA HỌC Y SINH</li> <li>• NỀN TẢNG ROBOTICS</li> <li>• Y HỌC THỂ THAO</li> <li>• KHOA HỌC LÀM VƯỜN</li> <li>• CWU BIOL201 SINH LÝ CON NGƯỜI</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• CÔNG NGHỆ Ô TÔ</li> <li>• COMPUTER TECHNICIAN</li> <li>• LỖI CỘNG VỚI XÂY DỰNG</li> <li>• NGHỆ THUẬT ÂM THỰC</li> <li>• HỖ TRỢ NHA KHOA</li> <li>• FIRE SCIENCE &amp; EMERGENCY SERVICES I</li> <li>• ĐIỀU DƯỠNG</li> <li>• TRỢ LÝ TIỀN Y TẾ</li> <li>• KỸ THUẬT VIÊN VẬT LÝ TRỊ LIỆU</li> </ul>

**Mã khóa học** AGG200, AGG201  
**Tên tác phẩm** GREENHOUSE O  
**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE  
 Khoa học

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** HFL250, HFL25 1  
**Tên tác phẩm** FOOD SCIENCE A (YEAR 1)  
**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE  
 Toán  
 Khoa học

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** SCB211, SCB212  
**Tên tác phẩm** BIOLOGY  
**Chương trình** Khoa học  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** SCC311, SCC312  
**Tên tác phẩm** CHEMISTRY  
**Chương trình** Khoa học  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** SCC351, SCC352  
**Tên tác phẩm** HONORS CHEMISTRY  
**Chương trình** Khoa học  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** SCC464, SCC465  
**Tên tác phẩm** AP CHEMISTRY  
**Chương trình** Khoa học  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** SCP421, SCP422  
**Tên tác phẩm** PHYSICS  
**Chương trình** Khoa học  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** SCS213, SCS214  
**Tên tác phẩm** EARTH & SPACE SCIENCE  
**Chương trình** Khoa học  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** SCS223, 224  
**Tên tác phẩm** HORTICULTURE  
**Các chương trình** Khoa học  
 Nghề nghiệp/CTE  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** SCS322  
**Tên tác phẩm** CWU ENST201 EARTH AS AN ECOSYSTEM  
**Chương trình** Khoa học  
**Tín dụng** 1

**Mã khóa học** SCS323  
**Tên tác phẩm** CWU ENST202 ENVIRONMENT & SOCIETY  
**Chương trình** Khoa học  
**Tín dụng** 1

**Mã khóa học** SCS349  
**Tên tác phẩm** EWU BIOL100 INTRODUCTION TO BIOLOGY  
**Chương trình** Khoa học  
**Tín dụng** 1

**Mã khóa học** SCS397  
**Tên tác phẩm** INTRODUCTION TO PHYSIOLOGY  
**Chương trình** Khoa học  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** SCS398  
**Tên tác phẩm** CWU BIOL201 HUMAN PHYSIOLOGY  
**Chương trình** Khoa học  
**Tín dụng** 1

**Mã khóa học** SCS423, SCS424  
**Tên tác phẩm** AP Environmental SCIENCE  
**Chương trình** Khoa học  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** TEA101, TEA102  
**Tên tác phẩm** PRINCIPLES OF BIOMEDICAL SCI  
**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE  
Khoa học  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** TEA201, TEA202  
**Tên tác phẩm** HUMAN BODY SYSTEMS  
**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE  
Khoa học  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** TEA301, TEA302  
**Tên tác phẩm** SPORT MEDICINE I  
**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE  
Sức khỏe & Thể hình  
Khoa học  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** TEA401, TEA402  
**Tên tác phẩm** SPORT MEDICINE II  
**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE  
Khoa học  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** TEM311, TEM 312  
**Tên tác phẩm** WELDING TECHNOLOGY II  
**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE  
Khoa học  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** TET104, TET105  
**Tên tác phẩm** ROBOTICS FOUNDATIONS  
**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE  
Khoa học  
**Tín dụng** 0.5

# Nghiên cứu xã hội - Eisenhower

LỚP 9	LỚP 10	LỚP 11	LỚP 12
<ul style="list-style-type: none"> <li>LỊCH SỬ TIỂU BANG WASHINGTON (Nếu chưa được thông qua trước đó)</li> <li>HONORS LỊCH SỬ THẾ GIỚI</li> <li>AP ĐỊA LÝ NHÂN VĂN</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>LỊCH SỬ THẾ GIỚI</li> <li>HONORS LỊCH SỬ THẾ GIỚI</li> <li>AP WORLD LỊCH SỬ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>LỊCH SỬ HOA KỲ</li> <li>AP LỊCH SỬ HOA KỲ</li> <li>CWU HIST143 LỊCH SỬ HOA KỲ đến 1865</li> <li>CWU HIST144 LỊCH SỬ HOA KỲ SAU NĂM 1865</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>KINH TẾ</li> <li>CIVICS</li> <li>AP CHÍNH PHỦ &amp; CHÍNH TRỊ</li> </ul>

## MÔN TỰ CHỌN NGHIÊN CỨU XÃ HỘI

- TÂM LÝ
- EWU PSYC100 TÂM LÝ HỌC CHUNG

**Mã khóa học** SSR154

**Tên tác phẩm** HONORS WORLD GEOGRAPHY

**Chương trình** Nghiên cứu xã hội

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** SSR156

**Tên tác phẩm** AP HUMAN GEOGRAPHY

**Chương trình** Nghiên cứu xã hội

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** SSR211, SSR212

**Tên tác phẩm** WORLD HISTORY

**Chương trình** Nghiên cứu xã hội

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** SSR261, SSR262

**Tên tác phẩm** AP WORLD HISTORY

**Chương trình** Nghiên cứu xã hội

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** SSR311, SSR312

**Tên tác phẩm** U.S. HISTORY 1, 2

**Chương trình** Nghiên cứu xã hội

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** SSR361, SSR362

**Tên tác phẩm** AP U.S. HISTORY

**Chương trình** Nghiên cứu xã hội

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** SSR366

**Tên tác phẩm** CWU HIST143 US HISTORY TO 1865

**Chương trình** Nghiên cứu xã hội

**Tín dụng** 1

**Mã khóa học** SSR367

**Tên tác phẩm** CWU HIST144 US HISTORY SINCE 1865

**Chương trình** Nghiên cứu xã hội

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** SSR367

**Tên tác phẩm** CWU HIST144 US HISTORY SINCE 1865

**Chương trình** Nghiên cứu xã hội

**Tín dụng** 1

**Mã khóa học** SSR413

**Tên tác phẩm** ECONOMIC

**Chương trình** Nghiên cứu xã hội

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** SSR415  
**Tên tác phẩm** CIVICS  
**Chương trình** Nghiên cứu xã hội  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** SSR463, SSR464  
**Tên tác phẩm** AP UNITED STATES GOVERNMENT & POLITICS  
**Chương trình** Nghiên cứu xã hội  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** SSS421, SSS422  
**Tên tác phẩm** PSYLOGY  
**Chương trình** Nghiên cứu xã hội  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** SSS465  
**Tên tác phẩm** EWU PSYC100 GENERAL PSYCHOLOGY  
**Các chương trình** Cao đẳng trong trường trung học  
Nghiên cứu xã hội  
**Tín dụng** 0.5

## Giáo dục Nghề nghiệp/Nghề nghiệp & Kỹ thuật (CTE) - Eisenhower



Tìm hiểu những gì Giáo dục nghề nghiệp và kỹ thuật (CTE) có thể làm cho bạn.

- Mở rộng các lựa chọn giáo dục của bạn!**  
Các khóa học nghề nghiệp và kỹ thuật thêm một chiều hướng mới cho việc học. Một khóa học CTE liên quan đến các môn học với “thế giới thực” và cho thấy việc đọc và toán quan trọng như thế nào trong các tình huống hàng ngày.
- Cung cấp ba cơ hội giáo dục trong chuẩn bị đại học, chuẩn bị công nghệ và chuẩn bị công việc.**  
Hầu hết các chương trình Hướng nghiệp và Kỹ thuật bao gồm các môn học cần thiết để đáp ứng các yêu cầu đầu vào của các trường cao đẳng và đại học bốn năm. Chúng bao gồm các môn kỹ thuật đáp ứng yêu cầu công việc cấp đầu vào của nhà tuyển dụng trong các lĩnh vực liên quan đến chương trình.
- Cung cấp cho bạn một con đường chuẩn bị công việc.**  
Năm mươi phần trăm của tất cả những người bắt đầu một chương trình đại học bốn năm không bao giờ hoàn thành nó, với 25% bỏ học hoặc bỏ học trong năm đầu tiên của họ. CTE là bảo hiểm cho sự thành công! CTE cung cấp kiến thức và kỹ năng để tiếp tục giáo dục của bạn hoặc tìm việc làm. “Lực lượng lao động” chỉ ra 70% công việc đòi hỏi một số kỹ năng kỹ thuật để thực hiện công việc cần thiết.
- Thách thức bạn về mặt học tập và tinh thần.**  
Các khóa học và chương trình nghề nghiệp và kỹ thuật thách thức sinh viên áp dụng kiến thức lý thuyết - đã học trong các lớp học thuật và kỹ thuật - cho các vấn đề thực tế trong các phòng thí nghiệm kỹ thuật và cửa hàng. CTE dạy các kỹ năng cơ bản suốt đời.
- Giúp bạn trả tiền học đại học!**  
Các kỹ năng có được trong các chương trình CTE tập trung vào một lĩnh vực cụ thể để giúp bạn có được một công việc tốt hơn, được trả lương cao hơn. Làm việc toàn thời gian và kiếm được nhiều tiền nhanh hơn để trả tiền học đại học. Hoặc, làm việc bán thời gian để kiếm thêm tiền trong khi học đại học.

6. **Mở rộng các lựa chọn làm việc và học tập suốt đời của bạn.**  
Đi làm hoặc đi học đại học hoặc làm cả hai. Chọn một nghề nghiệp phù hợp, bất kể khuôn mẫu. Các chương trình CTE chuẩn bị cho bạn những nghề nghiệp được trả lương cao trong các lĩnh vực từng đóng cửa đối với họ như công nghệ và ngành nghề cho phụ nữ và văn phòng và nghề y tế cho nam giới.
7. **Giúp bạn có được các kỹ năng và thói quen suốt đời để áp dụng cho bất kỳ nghề nghiệp nào. Tự tin. Tự nhận thức. Thói quen làm việc tốt. Giải quyết vấn đề thực tế. Đúng giờ. Độ tin cậy. Làm việc theo nhóm.** Các chương trình Giáo dục Kỹ thuật và Nghề nghiệp thắm nhuần mong muốn học hỏi, cảm giác hoàn thành và điều đó tạo ra sự tự đảm bảo cần thiết để đạt được mục tiêu của riêng bạn.

**Tìm hiểu thêm về các cụm và lộ trình nghề nghiệp CTE @ <https://ospi.k12.wa.us/student-success/career-technical-education-cte/cte-program-study-and-career-clusters>**

# FIND YOUR PATHWAY

**Agriculture Education**  
**Agriculture, Food, & Natural Resources**  
 Agribusiness Systems • Animal Systems • Biotechnology Systems • Environmental Service Systems • Food Products & Processing Systems • Natural Resources Systems • Plant Systems • Power, Structural, and Technical Systems

**Business & Marketing**  
**Arts, A/V Technology & Communications<sup>1</sup>**  
 Journalism & Broadcasting (Technical Communications) • Printing Technology (Desktop Publishing/Digital Imaging) • Visual Arts (Publishing)  
**Business Management & Administration**  
 Administrative Support • General Management • Marketing Management • Operations Management  
**Finance**  
 Accounting • Banking Services • Business Finance • Business Financial Management  
**Hospitality & Tourism<sup>1</sup>**  
 Lodging • Travel & Tourism  
**Information & Technology<sup>1</sup>**  
 Information Support & Services • Network Systems • Programming & Software Development  
**Law, Public Safety, Corrections & Security<sup>1</sup>**  
 Legal Services  
**Marketing**  
 Management & Entrepreneurship • Marketing Communications • Marketing Management • Merchandising • Professional Sales

**Family & Consumer Sciences**  
**Arts, A/V Technology & Communications<sup>1</sup>**  
 Visual Arts (interiors, textiles)  
**Education & Training**  
 Professional Support Services • Teaching & Training  
**Health Science<sup>1</sup>**  
 Health Informatics (Family Health) • Support Services (Nutrition & Wellness) • Therapeutic Services (Food Science, Dietetics & Nutrition)  
**Hospitality & Tourism<sup>1</sup>**  
 Recreation, Amusement, & Attractions • Restaurants & Food & Beverage Services  
**Human Services**  
 Consumer Services • Early Childhood Development & Services • Family & Community Services • Personal Care Services

**Health Sciences**  
**Health Science<sup>1</sup>**  
 Therapeutic Services • Support Services • Biotechnology Research & Development • Diagnostic Services • Health Informatics

**Skilled & Technical Sciences**  
**Architecture & Construction**  
 Construction • Design & Pre-Construction  
**Arts, A/V Technology, & Communications<sup>1</sup>**  
 Audio & Video Technology & Film • Journalism & Broadcasting • Performing Arts • Printing Technology  
**Government & Public Administration**  
 National Security  
**Information & Technology<sup>1</sup>**  
 Information Support & Services (Computer Installation & Repair)  
**Law, Public Safety, Corrections & Security<sup>1</sup>**  
 Emergency & Fire Management • Law Enforcement Services  
**Manufacturing**  
 Maintenance, Installation & Repair • Manufacturing Production Process Development • Production  
**Transportation, Distribution, & Logistics**  
 Transportation Operations

**STEM**  
**Science, Technology, Engineering & Mathematics**  
 Engineering & Technology • Science & Math

\*Based on the current Classification of Instructional Programs (CIP) Code Chart

<sup>1</sup> indicates a **cluster** that appears in more than one Program Area, but is specific in **pathway** content

Learn more: [k12.wa.us/CTE](https://k12.wa.us/CTE)

**CÁC KHÓA HỌC CTE ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI TRƯỜNG TRUNG HỌC EISENHOWER THEO LỘ TRÌNH TỐT NGHIỆP CTE**

Giáo dục nông nghiệp	Kinh doanh & Marketing	Khoa học gia đình & Người tiêu dùng	Khoa học sức khỏe	Skilled & Technical Sciences	THÂN CÂY
<ul style="list-style-type: none"> <li>• CƠ KHÍ NÔNG NGHIỆP</li> <li>• LỰA CHỌN NGHỀ NGHIỆP</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI)</li> <li>• BUSINESS COMMUNICATIONS</li> <li>• LỰA CHỌN NGHỀ NGHIỆP</li> <li>• MÁY VI TÍNH</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• NGÔN NGỮ KÝ HIỆU MỸ</li> <li>• LỰA CHỌN NGHỀ NGHIỆP</li> <li>• NGHỀ NGHIỆP TRONG GIÁO DỤC</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• LỰA CHỌN NGHỀ NGHIỆP</li> <li>• CWU PUBH209 CONSUMER HEALTH</li> <li>• HỆ THỐNG CƠ THỂ NGƯỜI</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• SOẠN THẢO KIẾN TRÚC</li> <li>• CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT NGHỆ THUẬT</li> <li>• LỰA CHỌN NGHỀ NGHIỆP</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• LỰA CHỌN NGHỀ NGHIỆP</li> <li>• ĐẠI SỐ TÍCH HỢP</li> <li>• HÌNH HỌC TÍCH HỢP</li> </ul>

Giáo dục nông nghiệp	Kinh doanh & Marketing	Khoa học gia đình & Người tiêu dùng	Khoa học sức khỏe	Skilled & Technical Sciences	THÂN CÂY
<ul style="list-style-type: none"> <li>HOẠT ĐỘNG NHÀ KÍNH</li> <li>KHOA HỌC LÀM VƯỜN</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>BÁO CHÍ KỸ THUẬT SỐ &amp; IN</li> <li>ESPORTS 1 KHOA HỌC MÁY TÍNH GỐC</li> <li>TOÁN TÀI CHÍNH</li> <li>GIỚI THIỆU VỀ KHOA HỌC MÁY TÍNH</li> <li>TIẾP THỊ</li> <li>QUẢN LÝ MARKETING</li> <li>BÁO CHÍ/KỸ YẾU</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ</li> <li>KHOA HỌC THỰC PHẨM</li> <li>SỨC KHỎE GIA ĐÌNH</li> <li>LỚP/LÀM CHA MẸ TUỔI TEEN</li> <li>NGHỀ NGHIỆP TÂY BAN NHA TRONG GIÁO DỤC</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>GIỚI THIỆU VỀ SỰ NGHIỆP KHOA HỌC SỨC KHỎE</li> <li>NGUYÊN TẮC CỦA KHOA HỌC Y SINH</li> <li>Y HỌC THỂ THAO</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>NGHỆ THUẬT THƯƠNG MẠI &amp; QUẢNG CÁO</li> <li>CHỤP ẢNH THƯƠNG MẠI</li> <li>DESIGN &amp; COMMERCIAL ART</li> <li>BẢN VẼ KỸ THUẬT/CAD</li> <li>NỀN TẢNG ẢNH &amp; VIDEO</li> <li>THIẾT KẾ SẢN KHẤU &amp; CÔNG NGHỆ SẢN KHẤU</li> <li>CÔNG NGHỆ HÀN I &amp; II</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>NỀN TẢNG ROBOT</li> <li>ROBOT, KỸ THUẬT &amp; SẢN XUẤT NĂNG CAO</li> </ul>

**Mã khóa học** AGA 303

**Tên tác phẩm** WORKSITE LEARNING AGRI CTURE

**Chương trình** Nghề nghiệp/CTE

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** AGA304, AGA305, AGA306, AGA 307

**Tên tác phẩm** AGRICULTICAL

**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE

Toán

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** AGG200, AGG201

**Tên tác phẩm** GREENHOUSE O

**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE

Khoa học

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** BUM301, BUM302

**Tên tác phẩm** MARKETING (INTRO)

**Chương trình** Nghề nghiệp/CTE

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** BUM332, BUM333

**Tên tác phẩm** ART PRODUCTION TECHNOLOGY

**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE

Mỹ thuật

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** BUM401, BUM402

**Tên tác phẩm** MARKETING MANAGEMENT

**Chương trình** Nghề nghiệp/CTE

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** BUS 208, BUS 209

**Tên tác phẩm** ARTIFICIAL INTELLIGENCE (AI)

**Chương trình** Nghề nghiệp/CTE

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** BUS 300

**Tên tác phẩm** WORKSITE LEARNING IT SUPPORT

**Chương trình** Nghề nghiệp/CTE

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** BUS121 BUS122

**Tên tác phẩm** CAREER CHOICES

**Chương trình** Nghề nghiệp/CTE

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** BUS202, BUS203  
**Tên tác phẩm** **COMPUTER SCIENCE (INTRO)**  
**Chương trình** Nghề nghiệp/CTE  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** BUS205, BUS206  
**Tên tác phẩm** **ESPORTES 1 STEM COMPUTER SCIENCE**  
**Chương trình** Nghề nghiệp/CTE  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** BUS317, BUS318  
**Tên tác phẩm** **BUSINESS COMMUNI**  
**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE  
Tiếng Anh  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** BUS326, BUS327, BUS426, BUS427  
**Tên tác phẩm** **DIGITAL & PRINT JOURNALISM**  
**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE  
Tiếng Anh  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** BUS334, BUS335  
**Tên tác phẩm** **FINANCIAL MATH**  
**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE  
Toán  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** BUS417, BUS418  
**Tên tác phẩm** **BUSINESS COMMUNI**  
**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE  
Tiếng Anh  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** FLA101, FLA102, FLA201, FLA202, FLA301, FLA302  
**Tên tác phẩm** **AMERICAN SIGN LANGU AGE**  
**Các chương trình** Ngôn ngữ thế giới  
Nghề nghiệp/CTE  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** HCE101, HCE102  
**Tên tác phẩm** **CAREERS IN EDUCATION**  
**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE  
Tiếng Anh  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** HCE211, HCE212  
**Tên tác phẩm** **Spanish CAREERS IN EDUCATION**  
**Chương trình** Nghề nghiệp/CTE  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** HF L116  
**Tên tác phẩm** **FAMILY HEALTH**  
**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE  
Sức khỏe & Thể hình  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** HFL128, HFL129  
**Tên tác phẩm** **GRADS (TEEN PARENTING)**  
**Chương trình** Nghề nghiệp/CTE  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** HFL242, HFL243

**Tác phẩm CHI LD DEVELOPMENT**

**Chương trình** Nghề nghiệp/CTE

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** HFL250, HFL25 1

**Tên tác phẩm FOOD SCIENCE A (YEAR 1)**

**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE

Toán

Khoa học

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** HFL352, HFL353

**Tên tác phẩm FOOD SCIENCE B (YEAR 2)**

**Chương trình** Nghề nghiệp/CTE

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** MAT141, MAT142

**Tên tác phẩm INTEGRATED ALGEB RA 1**

**Các chương trình** Toán

Nghề nghiệp/CTE

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** MAT331, MAT332

**Tên tác phẩm INTEGRATED OMETRY**

**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE

Toán

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** SCS223, 224

**Tên tác phẩm HORTICULTITURE**

**Các chương trình** Khoa học

Nghề nghiệp/CTE

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** SCV310, SCV311

**Tên tác phẩm HEALTH SCIENCE CAREERS (INTRO)**

**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE

Sức khỏe & Thể hình

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** SC V313

**Tên tác phẩm CWU PUBH 209 CONSUMER HEALTH**

**Các chương trình** Sức khỏe & Thể hình

Cao đẳng trong trường trung học

Nghề nghiệp/CTE

**Tín dụng** 1

**Mã khóa học** TEA101, TEA102

**Tên tác phẩm PRINCIPLES OF BIOMEDICAL SCI**

**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE

Khoa học

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** TEA201, TEA202

**Tên tác phẩm HUMAN BODY SYSTEMS**

**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE

Khoa học

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** TEA301, TEA302

**Tên tác phẩm SPORT MEDICINE I**

**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE

Sức khỏe & Thể hình

Khoa học

Tín dụng 0.5

**Mã khóa học** TEA401, TEA402

**Tên tác phẩm** SPORT MEDICINE II

**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE  
Khoa học

Tín dụng 0.5

**Mã khóa học** TEC111, TEC112

**Tên tác phẩm** PHOTO & VIDEO FOUNDATIONS (INTRO)

**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE  
Mỹ thuật

Tín dụng 0.5

**Mã khóa học** TEC231, TEC232, TEC331, TEC332

**Tên tác phẩm** Commercial Photography

**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE  
Mỹ thuật

Tín dụng 0.5

**Mã khóa học** TED104, TED105

**Tên tác phẩm** ENGINEERING DRAWING/CAD

**Các chương trình** Mỹ thuật  
Toán  
Nghề nghiệp/CTE

Tín dụng 0.5

**Mã khóa học** TED211, TED212

**Tên tác phẩm** ARCTURAL DRAFTING

**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE  
Mỹ thuật  
Toán

Tín dụng 0.5

**Mã khóa học** TEG100, TEG110

**Tên tác phẩm** DESIGN & COMMERCIAL ART (INTRO)

**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE  
Mỹ thuật

Tín dụng 0.5

**Mã khóa học** TEG104, TEG105

**Tên tác phẩm** PRE PRESS/ YEAR BOOK

**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE  
Mỹ thuật

Tín dụng 0.5

**Mã khóa học** TEG204, TEG205, TEG304, TEG305

**Tên tác phẩm** COMMERCIAL ART & ADVERTISING

**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE  
Mỹ thuật

Tín dụng 0.5

**Mã khóa học** TEM211, TEM212

**Tên tác phẩm** WELDING TECHNOLOGY I

**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE  
Toán

Tín dụng 0.5

**Mã khóa học** TEM311, TEM 312

**Tên tác phẩm** WELDING TECHNOLOGY II

**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE  
Khoa học

Tín dụng 0.5

**Mã khóa học** TES201, TES202, TES301, TES302  
**Tên tác phẩm** THEATRE DESIGN & STAGE TECH  
**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE  
Mỹ thuật

Tín dụng 0.5

**Mã khóa học** TET104, TET105  
**Tên tác phẩm** ROBOTICS FOUNDATIONS  
**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE  
Khoa học

Tín dụng 0.5

**Mã khóa học** TET334, TET335  
**Tên tác phẩm** Advanced ROBOTICS, ENGINEERING, & MANUFACTURING  
**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE  
Toán

Tín dụng 0.5

## Sức khỏe và Thể hình - Eisenhower

### Triết học

Giáo dục thể chất (PE) là một phần không thể thiếu trong quá trình giáo dục tổng thể.

Để đảm bảo sự thành công của sinh viên, quá trình sẽ:

- Cung cấp xây dựng kỹ năng tuần tự.
- Khuyến khích đạt được kiến thức và kỹ năng để tiến tới thể lực tối ưu.
- Góp phần vào sự tự nhận thức, kỷ luật tự giác và tự hào.
- Cho phép sinh viên tiếp thu và thực hành hợp tác và tinh thần thể thao.
- Truyền cảm hứng cho học sinh để tận hưởng các hoạt động thể chất suốt đời.

### Bàn thắng

- Cung cấp các hoạt động làm tăng sức mạnh, sức bền, sự nhanh nhẹn, linh hoạt, phối hợp và cân bằng.
- Cung cấp thông tin cho học sinh về năm khái niệm cơ bản cho thể lực tổng thể.
- Trình bày cơ hội cho những thành tựu thành công của các hoạt động thể chất.
- Thúc đẩy thái độ của hành vi và hành vi chấp nhận được.
- Cung cấp nhiều lựa chọn thích hợp cho các hoạt động thể dục và thể thao trọn đời.

### Cơ hội nghề nghiệp

Giáo viên giáo dục thể chất, golf hoặc tennis chuyên nghiệp, giám đốc giải trí, giám đốc công viên, vận động viên chuyên nghiệp, huấn luyện viên, đại diện bán hàng thể thao.

### Yêu cầu bạn nên biết

1. Tất cả học sinh phải vượt qua ba (3) lớp thể dục bắt buộc cộng với sức khỏe: hai (2) trong năm thứ nhất có sức khỏe, một (1) vào năm thứ hai. Học sinh được giới hạn ở ba (3) tín chỉ của Thể dục để được tính vào tốt nghiệp.
2. Học sinh không được khuyến khích tham gia nhiều hơn một (1) lớp Thể dục cùng một lúc.
3. Học sinh có thể xin phép trì hoãn thể dục trong trường hợp có xung đột lịch trình hoặc chương trình. Học sinh có thể được miễn PE, theo luật tiểu bang. Gặp cố vấn của bạn.
4. Các khóa học không được cung cấp mỗi học kỳ. Kiểm tra với chủ tịch bộ phận hoặc văn phòng tư vấn để xem khi nào các khóa học sẽ được cung cấp và liệu khóa học có được cung cấp tại trường của bạn hay không.

\* Không phải tất cả các lớp học đều được cung cấp tại mỗi trường trung học; vui lòng kiểm tra với chủ tịch khoa Thể dục.

SỨC KHỎE	THỂ DỤC	GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP/NGHỀ NGHIỆP & KỸ THUẬT (HEALTH OR FITNESS CREDIT)	YV TECH (TÍN DỤNG SỨC KHỎE HOẶC THỂ DỤC)
<ul style="list-style-type: none"> <li>SỨC KHỎE</li> <li>SỨC KHỎE GIA ĐÌNH</li> <li>CWU PUHB209 CONSUMER HEALTH</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>CHUNG PE</li> <li>BÀI TẬP ĐIỀU HÒA CWU PEF110</li> <li>CWU PEF123 ĐI BỘ AEROBIC</li> <li>CWU PETS113 BÓNG ĐÁ</li> <li>EWU PHED150 THỂ DỤC NHANH</li> <li>EWU PHED152 SỨC MẠNH/TẬP TẠ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>SỨC KHỎE GIA ĐÌNH</li> <li>NGHỀ NGHIỆP KHOA HỌC SỨC KHỎE (INTRO)</li> <li>Y HỌC THỂ THAO I</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>THỰC THI PHÁP LUẬT</li> <li>KHOA HỌC CỨU HỎA &amp; DỊCH VỤ KHẨN CẤP</li> <li>KỸ THUẬT VIÊN VẬT LÝ TRỊ LIỆU</li> <li>TRỢ LÝ TIỀN Y TẾ</li> <li>HỖ TRỢ NHÀ KHOA II</li> </ul>

**Mã khóa học HF L116**

**Tên tác phẩm FAMILY HEALTH**

**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE  
Sức khỏe & Thể hình

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học PHE100, PHE101**

**Tên tác phẩm GENERAL PE**

**Chương trình** Sức khỏe & Thể hình

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học PHE116**

**Tên tác phẩm HEALTH**

**Chương trình** Sức khỏe & Thể hình

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học PHE309**

**Tên tác phẩm EWU PHED 150 FAST FITNESS**

**Các chương trình** Sức khỏe & Thể hình  
Cao đẳng trong trường trung học

**Tín dụng** 1

**Mã khóa học PHE310**

**Tên tác phẩm EWU PHED152 STRENGTH/ WEIGHT TRAINING**

**Các chương trình** Sức khỏe & Thể hình  
Cao đẳng trong trường trung học

**Tín dụng** 1

**Mã khóa học PHE45 1**

**Tên tác phẩm CWU PEF 123 AEROBIC WALKING**

**Các chương trình** Sức khỏe & Thể hình  
Cao đẳng trong trường trung học

**Tín dụng** 1

**Mã khóa học PHE452**

**Tên tác phẩm CWU PEF110 CONDITIONING EXERCISES**

**Các chương trình** Sức khỏe & Thể hình  
Cao đẳng trong trường trung học

**Tín dụng** 1

**Mã khóa học PHE453**

**Tên tác phẩm CWU PETS113 SOCC ER**

**Các chương trình** Sức khỏe & Thể hình  
Cao đẳng trong trường trung học

**Tín dụng** 1

**Mã khóa học PHE454**

**Tên tác phẩm CWU PEF 113 WEIGHT TRAINING**

**Các chương trình** Cao đẳng trong trường trung học  
Sức khỏe & Thể hình

**Tín dụng** 1

**Mã khóa học** SCV310, SCV311  
**Tên tác phẩm** HEALTH SCIENCE CAREERS (INTRO)  
**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE  
 Sức khỏe & Thể hình

Tín dụng 0.5

**Mã khóa học** SC V313  
**Tên tác phẩm** CWU PUBH 209 CONSUMER HEALTH  
**Các chương trình** Sức khỏe & Thể hình  
 Cao đẳng trong trường trung học  
 Nghề nghiệp/CTE

Tín dụng 1

**Mã khóa học** TEA301, TEA302  
**Tên tác phẩm** SPORT MEDICINE I  
**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE  
 Sức khỏe & Thể hình  
 Khoa học

Tín dụng 0.5

## Mỹ thuật - Eisenhower

### Âm nhạc & Nghệ thuật biểu diễn

Trong cuộc sống hàng ngày của mỗi người trưởng thành, có rất nhiều dịp để áp dụng các giá trị và sự đánh giá cao có được từ một khóa học âm nhạc. Các khóa học về âm nhạc có sẵn cho tất cả sinh viên trên cơ sở tự chọn. Chương trình âm nhạc được thiết kế để nuôi dưỡng những người biểu diễn phân biệt đối xử và người tiêu dùng âm nhạc. Một số nhóm nâng cao là cả chọn lọc và tự chọn. Niềm tự hào về việc tham gia vào các hoạt động và biểu diễn bên ngoài là bắt buộc đối với một số nhóm chọn lọc.

Khả năng nghề nghiệp: Nhạc sĩ phòng thu, nhạc sĩ lưu diễn, giáo viên âm nhạc, nhà soạn nhạc-sắp xếp, kỹ thuật viên thu âm, xuất bản âm nhạc, phát thanh truyền hình.

DỤNG CỤ	HỢP XƯỚNG	KỊCH	TỰ CHỌN ÂM NHẠC KHÁC
<ul style="list-style-type: none"> <li>BĂNG TẦN NÂNG CAO</li> <li>DÀN NHẠC NÂNG CAO</li> <li>DÀN NHẠC</li> <li>DÀN NHẠC THÍNH PHÒNG</li> <li>BAN NHẠC HÒA NHẠC</li> <li>BAN NHẠC JAZZ</li> <li>BAN NHẠC ĐIỀU HÀNH</li> <li>ĐÀN PIANO</li> <li>ĐÀN UKULELE</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>DÀN HỢP XƯỚNG HÒA NHẠC</li> <li>DÀN HỢP XƯỚNG THÍNH PHÒNG</li> <li>DÀN HỢP XƯỚNG NHẠC JAZZ</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>ĐÁNH GIÁ CAO ÂM NHẠC</li> </ul>

### Nghệ thuật thị giác

Các khoa nghệ thuật tại các trường trung học của chúng tôi cung cấp cho mọi người cơ hội khám phá những trải nghiệm sáng tạo hình ảnh, điều này sẽ phát triển và tăng khả năng nghệ thuật và kỹ năng cũng như thưởng thức nghệ thuật. Nó cũng sẽ giúp những sinh viên sẽ đi vào nghệ thuật như một ơn gọi hoặc sự yêu thích. Các khóa học được cung cấp là tất cả các lớp tự chọn cung cấp các bài tập và dự án có ý nghĩa cho sinh viên ở cả cấp độ bắt đầu và nâng cao.

KHÓA HỌC NGHỆ THUẬT	GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP/NGHỀ NGHIỆP & KỸ THUẬT (TÍN DỤNG MỸ THUẬT )	YV TECH (TÍN DỤNG MỸ THUẬT)
<ul style="list-style-type: none"> <li>NGHỆ THUẬT BẮT ĐẦU</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>SOẠN THẢO KIẾN TRÚC</li> <li>CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT NGHỆ THUẬT</li> <li>NGHỆ THUẬT THƯƠNG MẠI &amp; QUẢNG CÁO</li> <li>NHIẾP ẢNH THƯƠNG MẠI</li> <li>BẢN VẼ KỸ THUẬT/CAD</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>SỬA CHỮA VÀ CHẠM Ô TÔ</li> <li>THẨM MỸ HỌC</li> <li>ENTERTAINMENT MEDIA PRODUCTION</li> </ul>

KHÓA HỌC NGHỆ THUẬT	GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP/NGHỀ NGHIỆP & KỸ THUẬT (TÍN DỤNG MỸ THUẬT)	YV TECH (TÍN DỤNG MỸ THUẬT)
	<ul style="list-style-type: none"> <li>• THIẾT KẾ &amp; THƯƠNG MẠI NGHỆ THUẬT (INTRO)</li> <li>• NỀN TẢNG ẢNH &amp; VIDEO (GIỚI THIỆU)</li> <li>• THIẾT KẾ SÂN KHẤU &amp; CÔNG NGHỆ SÂN KHẤU</li> <li>• KỸ YẾU</li> </ul>	

**Khả năng nghề nghiệp:** Nghệ sĩ thương mại, vẽ tranh ký hiệu, hoạt hình, thiết kế quần áo, nhà trị liệu nghệ thuật, giáo viên nghệ thuật.

**Mã khóa học** ART100

**Tên tác phẩm** BE GINNING ART/ PAINTING

**Chương trình** Mỹ thuật

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** BUM332, BUM333

**Tên tác phẩm** ART PRODUCTION TECHNOLOGY

**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE  
Mỹ thuật

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** MUB110, MUB111

**Tên tác phẩm** PERCUSSION ENSEMBLE

**Chương trình** Mỹ thuật

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** MUB200, MUB201

**Tên tác phẩm** MARCHING BAND

**Chương trình** Mỹ thuật

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** MUB210, MUB211

**Tên tác phẩm** CONCERT BAND

**Chương trình** Mỹ thuật

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** MUB230, MUB231

**Tên tác phẩm** JAZZ BAND

**Chương trình** Mỹ thuật

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** MUB240, MUB241

**Tên tác phẩm** ADVANCED BAND

**Chương trình** Mỹ thuật

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** MUB250, MUB251

**Tên tác phẩm** WIND ENSEMBLE

**Chương trình** Mỹ thuật

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** MUC100, MUC101

**Tên tác phẩm** CONCERT CHOIR

**Chương trình** Mỹ thuật

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** MUC110, MUC111

**Tên tác phẩm** CHAMBER CHOIR

**Chương trình** Mỹ thuật

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** MUC120, MUC121

**Tên tác phẩm** TREBLE CHOIR

**Chương trình** Mỹ thuật

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** MUC210, MUC211

**Tên tác phẩm** JAZZ CHOIR

**Chương trình** Mỹ thuật

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** MU G200

**Tên tác phẩm** UKULE LE

**Chương trình** Mỹ thuật

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** MU H101

**Tên tác phẩm** MUSIC APPRECIATION

**Chương trình** Mỹ thuật

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** MUO 240, MU O 241

**Tên tác phẩm** Advanced ORCHESTRA

**Chương trình** Mỹ thuật

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** MUO110, MUO111

**Tên tác phẩm** ORCHESTRA (Beginning Strings)

**Chương trình** Mỹ thuật

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** MUO230, MUO231

**Tên tác phẩm** CHAMBER ORCHESTRA

**Chương trình** Mỹ thuật

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** TEC111, TEC112

**Tên tác phẩm** PHOTO & VIDEO FOUNDATIONS (INTRO)

**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE

Mỹ thuật

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** TEC231, TEC232, TEC331, TEC332

**Tên tác phẩm** Commercial Photography

**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE

Mỹ thuật

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** TED104, TED105

**Tên tác phẩm** ENGINEERING DRAWING/CAD

**Các chương trình** Mỹ thuật

Toán

Nghề nghiệp/CTE

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** TED211, TED212

**Tên tác phẩm** ARCHITECTURAL DRAFTING

**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE

Mỹ thuật

Toán

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** TEG100, TEG110

**Tên tác phẩm** DESIGN & COMMERCIAL ART (INTRO)

**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE

Mỹ thuật

Tín dụng 0.5

**Mã khóa học** TEG104, TEG105  
**Tên tác phẩm** PRE PRESS/ YEAR BOOK  
**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE  
Mỹ thuật

Tín dụng 0.5

**Mã khóa học** TEG204, TEG205, TEG304, TEG305  
**Tên tác phẩm** COMMERCIAL ART & ADVERTISING  
**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE  
Mỹ thuật

Tín dụng 0.5

**Mã khóa học** TES201, TES202, TES301, TES302  
**Tên tác phẩm** THEATRE DESIGN & STAGE TECH  
**Các chương trình** Nghề nghiệp/CTE  
Mỹ thuật

Tín dụng 0.5

## Ngôn ngữ thế giới - Eisenhower

Có nhiều lý do chính đáng để học ngôn ngữ thế giới. Trong thế giới ngày nay, điều quan trọng nhất có lẽ là nhu cầu có thể giao tiếp với những người nói các ngôn ngữ khác trong thế giới thương mại, chuyên nghiệp và chính trị cũng như trong cuộc sống hàng ngày ở nhà hoặc ở nước ngoài. Nhiều trường cao đẳng và đại học yêu cầu ít nhất hai năm học ngôn ngữ thế giới như một yêu cầu đầu vào.

Lưu ý: Sinh viên dự định học một ngôn ngữ thế giới phải đăng ký khóa học đầu tiên vào mùa thu, vì đó là lần duy nhất lớp bắt đầu được cung cấp.

**Cơ hội nghề nghiệp:** Các chuyên gia song ngữ như bác sĩ, luật sư, y tá, giáo viên, thư ký, lễ tân, cửa hàng bán lẻ và nhân viên nhà hàng; dịch vụ chính phủ như ngoại giao, nông nghiệp, thương mại, v.v.; nhân viên dịch vụ công song ngữ như an sinh xã hội, dịch vụ y tế, phúc lợi, cảnh sát và lính cứu hỏa; giám sát và công nhân nông nghiệp song ngữ; dịch giả và phiên dịch viên.

ASL	NGƯỜI TÂY BAN NHA	NHẬT BẢN	NGƯỜI PHÁP
<ul style="list-style-type: none"><li>NGÔN NGỮ KÝ HIỆU MỸ (CTE)</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>TIẾNG TÂY BAN NHA 1, 2, 3</li><li>AP TIẾNG TÂY BAN NHA</li><li>TIẾNG TÂY BAN NHA BẢN ĐỊA 1, 2</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>TIẾNG NHẬT 1, 2</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>TIẾNG PHÁP 1, 2, 3</li><li>DANH DỰ TIẾNG PHÁP 1, 20</li></ul>

GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP/NGHỀ NGHIỆP & KỸ THUẬT (CTE)
<ul style="list-style-type: none"><li>NGÔN NGỮ KÝ HIỆU MỸ</li></ul>

**Mã khóa học** FLA101, FLA102, FLA201, FLA202, FLA301, FLA302  
**Tên tác phẩm** AMERICAN SIGN LANGUAGE  
**Các chương trình** Ngôn ngữ thế giới  
Nghề nghiệp/CTE

Tín dụng 0.5

**Mã khóa học** FLF101, FLF102  
**Tên tác phẩm** FRENCH 1  
**Chương trình** Ngôn ngữ thế giới  
Tín dụng 0.5

**Mã khóa học** FLF201, FLF202  
**Tên tác phẩm** FRENCH 2  
**Chương trình** Ngôn ngữ thế giới  
Tín dụng 0.5

**Mã khóa học** FLF301, FLF302

**Tên tác phẩm FRENCH 3**  
**Chương trình** Ngôn ngữ thế giới  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** FLJ101, FLJ102  
**Tên tác phẩm JAPANESE 1**  
**Chương trình** Ngôn ngữ thế giới  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** FLJ201, FLJ202  
**Tên tác phẩm JAPANESE 2**  
**Chương trình** Ngôn ngữ thế giới  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** FLS101, FLS102  
**Tên tác phẩm SPANISH 1**  
**Chương trình** Ngôn ngữ thế giới  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** FLS201, FLS202  
**Tên tác phẩm SPANISH 2**  
**Chương trình** Ngôn ngữ thế giới  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** FLS231, FLS232  
**Tên tác phẩm NATIVE SPANISH 1**  
**Chương trình** Ngôn ngữ thế giới  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** FLS301, FLS302  
**Tên tác phẩm SPANISH 3**  
**Chương trình** Ngôn ngữ thế giới  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** FLS311, FLS312  
**Tên tác phẩm AP SPANISH**  
**Chương trình** Ngôn ngữ thế giới  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** FLS331, FLS332  
**Tên tác phẩm NATIVE SPANISH 2**  
**Chương trình** Ngôn ngữ thế giới  
**Tín dụng** 0.5

## Chương trình Giáo dục Đặc biệt - Eisenhower

Nghiên cứu cẩn thận các khóa học được liệt kê dưới đây và các khóa học khác được liệt kê trong cuốn sách này sẽ cho phép học sinh trong Giáo dục Đặc biệt chọn các khóa học phù hợp với Kế hoạch Giáo dục Cá nhân (IEP) của mình. Cần lưu ý rằng không phải tất cả các lớp được liệt kê dưới đây sẽ được cung cấp mỗi học kỳ và các lớp học khác nhau có thể được cung cấp trong một lớp học cùng một lúc. (Tham khảo ý kiến của giáo viên Giáo dục Đặc biệt trong quá trình đăng ký là cần thiết.)

### Điều kiện tiên quyết

Các khóa học sau đây dành cho sinh viên đủ điều kiện.

### Các khóa học giáo dục đặc biệt

Việc ghi danh phải được sắp xếp thông qua người quản lý trường hợp Giáo dục Đặc biệt.

## Khóa học phòng tài nguyên

NGHỆ THUẬT TIẾNG ANH	TOÁN HỌC
<ul style="list-style-type: none"><li>• TIẾNG ANH 9</li><li>• TIẾNG ANH 10</li><li>• TIẾNG ANH 11</li><li>• TIẾNG ANH 12</li><li>• ĐỌC</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>• TOÁN CẤP 1</li><li>• TOÁN 9</li><li>• TOÁN 10</li><li>• TOÁN 11</li><li>• TOÁN 12</li></ul>

## Khóa học khép kín

TIẾNG ANH/ĐỌC	TOÁN HỌC	MÔN TỰ CHỌN
<ul style="list-style-type: none"><li>• FUNCTIONAL ENGLISH</li><li>• ĐỌC CHỨC NĂNG</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>• TOÁN CHỨC NĂNG</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>• KỸ NĂNG XÃ HỘI CHỨC NĂNG</li></ul>

GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP/CAREER & TECHNICAL EDUCATION
<ul style="list-style-type: none"><li>• CHỨC NĂNG SỐNG HÀNG NGÀY</li></ul>

**Mã khóa học** ENZ090

**Tên tác phẩm** FUNCTIONAL Reading

**Các chương trình** Các chương trình giáo dục đặc biệt  
Tiếng Anh

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** ENZ101, ENZ102

**Tên tác phẩm** ENGLISH 9

**Các chương trình** Các chương trình giáo dục đặc biệt  
Tiếng Anh

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** ENZ104, ENZ105

**Tên tác phẩm** READING

**Các chương trình** Các chương trình giáo dục đặc biệt  
Tiếng Anh

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** ENZ201, ENZ202

**Tên tác phẩm** ENGLISH 10

**Các chương trình** Các chương trình giáo dục đặc biệt  
Tiếng Anh

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** ENZ301, ENZ302

**Tên tác phẩm** ENGLISH 11

**Các chương trình** Các chương trình giáo dục đặc biệt  
Tiếng Anh

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** ENZ401, ENZ402

**Tên tác phẩm** ENGLISH 12

**Các chương trình** Các chương trình giáo dục đặc biệt  
Tiếng Anh

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** GEZ090, GEZ091

**Tên tác phẩm** FUNCTIONAL SOCIAL SKI

**Chương trình** Các chương trình giáo dục đặc biệt

**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** HFZ090, HFZ091

**Tên tác phẩm** Functional DAILY LIVING  
**Chương trình** Các chương trình giáo dục đặc biệt  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** MAZ100, MAZ110  
**Tên tác phẩm** MATH LEVEL 1  
**Chương trình** Các chương trình giáo dục đặc biệt  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** MAZ101, MAZ102  
**Tên tác phẩm** MATH 9  
**Chương trình** Các chương trình giáo dục đặc biệt  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** MAZ201, MAZ202  
**Tên tác phẩm** MATH 10  
**Chương trình** Các chương trình giáo dục đặc biệt  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** MAZ301, MAZ302  
**Tên tác phẩm** MATH 11  
**Chương trình** Các chương trình giáo dục đặc biệt  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** MAZ401, MAZ402  
**Tên tác phẩm** MATH 12  
**Chương trình** Các chương trình giáo dục đặc biệt  
**Tín dụng** 0.5

## Các môn tự chọn khác - Eisenhower

Một số trải nghiệm thú vị được cung cấp dưới tiêu đề “Chương trình Dịch vụ Trường học”. Các tín chỉ này có thể đạt được lớp 11 và 12 với các trường hợp ngoại lệ riêng lẻ được phê duyệt ở lớp 10 cho thư viện. Học sinh phải xin phép nhập học vào mỗi khóa học này. Một số kinh nghiệm này có thể được lặp lại. Tuy nhiên, một học sinh **CÓ THỂ ĐƯỢC ĐĂNG KÝ VÀ NHẬN TÍN CHỈ CHO MỘT TRONG CÁC CHỨC DANH DỊCH VỤ CỦA TRƯỜNG MỖI HỌC KỲ**. Học sinh đăng ký các lớp học được liệt kê dưới đây sẽ nhận được Pass hoặc Fail thay vì điểm chữ cái trên bảng điểm của họ.

**Mã khóa học** GEN105, 205, 305, 405  
**Tên tác phẩm** CADET CONNECTIONS  
**Chương trình** Các khóa học & chương trình khác  
**Tín dụng** 0.1

**Mã khóa học** GEN213, GEN233  
**Tác phẩm** LIBRARY ASSISTANT  
**Chương trình** Các khóa học & chương trình khác  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** GEN214, GEN234  
**Tên tác phẩm** ATTENDERANCE  
**Chương trình** Các khóa học & chương trình khác  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** GEN215, GEN235  
**Tên tác phẩm** COUNSELING ASSISTANT  
**Chương trình** Các khóa học & chương trình khác  
**Tín dụng** 0.5

**Mã khóa học** GEN216, GEN236  
**Tên tác phẩm** MAIN OFFICE ASSISTANT  
**Chương trình** Các khóa học & chương trình khác  
**Tín dụng** 0.5

Mã khóa học GEX 399  
 Tên tác phẩm TEACHER ASSI  
 Chương trình Các khóa học & chương trình khác  
 Tín dụng 0.5

## Công nghệ YV-

PDF đã dịch

2026-2027 Catalog - Tiếng Tây Ban Nha



**CHÚNG TÔI SẼ GIÚP BẠN ĐẠT ĐƯỢC ĐIỀU ĐÓ!** Trung tâm Kỹ năng Kỹ thuật Thung lũng Yakima là một trường trung học kỹ thuật và nghề nghiệp trong khu vực dành để dạy các kỹ năng công việc cụ thể, kiến thức, hiểu và áp dụng các khái niệm công nghệ. Sinh viên tốt nghiệp hoặc tham gia vào thị trường việc làm hoặc tiếp tục giáo dục của họ. Có rất nhiều chương trình mà sinh viên có thể đăng ký. Mỗi khóa học được thiết kế xung quanh một chương trình giảng dạy cơ bản, một năm (ba tiết một ngày) với một tùy chọn cho năm thứ hai của công việc nâng cao trong hầu hết các chương trình.

Tại Trung tâm Kỹ năng Kỹ thuật Thung lũng Yakima, nhiệm vụ của chúng tôi là chuẩn bị cho tất cả học sinh các kỹ năng, kiến thức và thái độ để thăng tiến thành công lên cấp độ giáo dục hoặc nghề nghiệp tiếp theo.

Tất cả các khóa học được liệt kê dưới đây đã trải qua quá trình xem xét nội dung rộng rãi và phù hợp với Tiêu chuẩn Học tập Học thuật Thiết yếu của Tiểu bang (eALR) cụ thể, cho phép tín chỉ tương đương CTE hướng tới việc đáp ứng các yêu cầu tín chỉ tốt nghiệp. Ngoài ra, một số khóa học cung cấp tín chỉ kép, cho phép sinh viên kiếm được tín chỉ từ các trường cao đẳng cộng đồng, đại học hoặc các chương trình đào tạo cụ thể.

Tín dụng tương đương CTE và Tín dụng kép có sẵn cho các khóa học sau trong các lĩnh vực chủ đề này:

(\* Tính khả dụng của khóa học thay đổi hàng năm; Các khoản tương đương có thể khác với chương trình YVTECH)

Tên khóa học	Mã khóa học tiểu bang	Mã CIP	Khoa học	Anh	Toán	Nghiên cứu xã hội	Fitness	Mỹ thuật	Sức khỏe	Tín dụng kép có sẵn
SỬA CHỮA VÀ CHẠM Ô TÔ	20116	470603						√		
CÔNG NGHỆ TỰ ĐỘNG	20106	470604	√							√
BUSINESS ADMINISTRATION	12003	520204		√	√					
COMPUTER TECHNICIAN	10251	111006	√	√	√					
KỸ THUẬT VIÊN MÁY TÍNH II	10251	470104								
NGÀNH XÂY DỰNG	17002	460201			√					
* LỖI CỘNG VỚI XÂY DỰNG	17002	460000	√		√					√
THẨM MỸ HỌC	19101	120401						√		√
NGHỆ THUẬT ẨM THỰC	16052	120503	√		√					√
AN NINH MẠNG	10108	110201			√					

Tên khóa học	Mã khóa học tiểu bang	Mã CIP	Khoa học	Anh	Toán	Nghiên cứu xã hội	Fitness	Mỹ thuật	Sức khỏe	Tín dụng kép có sẵn
HỖ TRỢ NHA KHOA I	14054	510601	√							√
HỖ TRỢ NHA KHOA II	14054	510601	√						√	√
ĐIỆN										
• * CÔNG NGHỆ & NĂNG LƯỢNG HIỆN ĐẠI CWU	17102	150505			√					√
ENTERTAINMENT MEDIA PRODUCTION	11051	100202		√	√			√		
FIRE SCIENCE & EMERGENCY SERVICES I	15152	430203	√				√			
KHOA HỌC CHỮA CHÁY & DỊCH VỤ KHẨN CẤP II	15152	430203					√			
THỰC THI PHÁP LUẬT	15051	430107		√		√	√			
GIA CÔNG VÀ CƠ KHÍ CÔNG NGHIỆP	13102	470495			√					
ĐIỀU DƯỠNG	14051	511614	√							√
KỸ THUẬT VIÊN VẬT LÝ TRỊ LIỆU										
• * SỨC KHỎE NGƯỜI TIÊU DÙNG CWU • * CWU SINH LÝ CON NGƯỜI • * BÀI TẬP ĐIỀU HÒA CWU • * TẬP TẠ CWU	14060	510806	√				√		√	√
TRỢ LÝ TIỀN Y TẾ	14151	510801	√						√	√
HỌC VIỆN GIÁO VIÊN										
• * CWU DÂN TỘC & VĂN HÓA THIỂU SỐ TRONG GIÁO DỤC MỸ • * CWU GIỚI THIỂU VỀ GIÁO DỤC	19151	130101		√						√

## Thông tin tuyển sinh

TRƯỜNG TRUNG HỌC	TRƯỜNG HỌC TẠI NHÀ
Học sinh trung học đăng ký thông qua cố vấn trường trung học tại nhà của họ. Sinh viên kiếm được ba tín chỉ hàng năm mỗi năm. Các lớp học là ba tiết mỗi ngày, trong một năm. Không có học phí cho học sinh trung học. Kiểm tra trang web của họ tại <a href="https://www.yttech.com/">https://www.yttech.com/</a> .	Học sinh trường tại nhà có thể đăng ký học phí miễn phí.
<b>GED</b>	
Sinh viên đang làm việc trên GED của họ hoặc đã đạt được GED và dưới 21 tuổi có thể đăng ký vào Trung tâm Kỹ năng. Không có chi phí học phí cho sinh viên GED đủ điều kiện.	

## Cơ hội học hè (Có thể thay đổi):

- SỬA CHỮA VA CHẠM Ô TÔ
- CÔNG NGHỆ Ô TÔ
- BUSINESS ADMINISTRATION
- THẨM MỸ HỌC
- NGHỆ THUẬT ÂM THỰC
- AN NINH MẠNG
- HỖ TRỢ NHA KHOA
- ĐIỆN
- KHOA HỌC CỨU HỎA & DỊCH VỤ KHẨN CẤP
- ENTERTAINMENT MEDIA PRODUCTION
- THỰC THI PHÁP LUẬT
- GIA CÔNG VÀ CƠ KHÍ CÔNG NGHIỆP
- ĐIỀU DƯỠNG
- KỸ THUẬT VIÊN VẬT LÝ TRỊ LIỆU
- TRỢ LÝ TIỀN Y TẾ

- HỌC VIỆN GIÁO VIÊN

### Tuyên bố không phân biệt đối xử

Học khu Yakima không phân biệt đối xử trong bất kỳ chương trình hoặc hoạt động nào trên cơ sở giới tính, chủng tộc, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, màu da, nguồn gốc quốc gia, nhập cư hoặc tình trạng công dân, tuổi tác, cựu chiến binh hoặc tình trạng quân sự, khuynh hướng tình dục, biểu hiện giới tính hoặc bản sắc, vô gia cư, khuyết tật, phân biệt thần kinh, hoặc sử dụng một hướng dẫn chó được huấn luyện hoặc động vật phục vụ và cung cấp quyền truy cập bình đẳng cho Hướng đạo sinh và các nhóm thanh niên được chỉ định khác. Các nhân viên sau đây đã được chỉ định để xử lý các câu hỏi và khiếu nại về cáo buộc phân biệt đối xử:

**Điều phối viên Tuân thủ Quyền Dân sự:** Christina Larsen, Phó Giám đốc, 104 N. 4th Ave., Yakima, WA 98902, (509) 573-7032, [larsen.christina@ysd7.org](mailto:larsen.christina@ysd7.org)

**Điều phối viên Tuân thủ Quyền Dân sự (Sinh viên): ADA/Mục 504** - Shawn Orminski, Trợ lý Giám đốc Dịch vụ Sinh viên, 104 N. 4th Ave., Yakima, WA 98902, (509) 573-7263, [orminski.shawn@ysd7.org](mailto:orminski.shawn@ysd7.org)

**Điều phối viên tuân thủ quyền công dân (Không phải là sinh viên): Điều phối viên ADA** - Christopher Miller, Giám đốc Nhân sự, 104 N. 4th Ave., Yakima, WA 98902, (509) 573-7066, [miller.christopher@ysd7.org](mailto:miller.christopher@ysd7.org).

**Điều phối viên Tuân thủ Quyền Dân sự (Sinh viên): Tiêu đề IX** - Omar Santoy, Giám đốc Điều hành Dịch vụ Sinh viên, 104 N. 4th Ave., Yakima, WA 98902, (509) 573-7260, [santoy.omar@ysd7.org](mailto:santoy.omar@ysd7.org)

### Phó Điều phối viên Title IX:

Erin Thomas, Giám đốc Dịch vụ Sinh viên, 104 N. 4th Ave., Yakima, WA 98902, (509) 573-7261, [thomas.erin@ysd7.org](mailto:thomas.erin@ysd7.org)

Shawn Orminski, Trợ lý Giám đốc Dịch vụ Sinh viên, 104 N. 4th Ave., Yakima, WA 98902, (509) 573-7263, [orminski.shawn@ysd7.org](mailto:orminski.shawn@ysd7.org)

Kim Newell, Giám đốc Nhân sự, 104 N. 4th Ave., Yakima, WA 98902, (509) 573-7068, [newell.kimberlee@ysd7.org](mailto:newell.kimberlee@ysd7.org)

Christopher Miller, Giám đốc Nhân sự, 104 N. 4th Ave., Yakima, WA 98902, (509) 573-7066, [miller.christopher@ysd7.org](mailto:miller.christopher@ysd7.org)

Các cá nhân khuyết tật cần hỗ trợ hoặc sắp xếp đặc biệt để tham dự một chương trình hoặc hoạt động do Học khu Yakima tài trợ nên liên hệ với Điều phối viên Đạo luật Người Mỹ Khuyết tật (ADA) thích hợp 24 giờ trước sự kiện để hỏi về chỗ ở hợp lý. Những người điếc, điếc, khiếm thính và/hoặc khiếm thính có thể truy cập Dịch vụ Chuyển tiếp Washington bằng cách gọi 7-1-1 hoặc 1-800-833-6388.

“Học khu Yakima khuyến khích sự đa dạng của lực lượng lao động và tuân thủ tất cả các luật của tiểu bang và liên bang cấm phân biệt đối xử bất hợp pháp.”

**Mã khóa học** SKA 311, SKA312, SKA411, SKA412

**Tên tác phẩm** AUTO COLLISION REPAIR I, II

**Chương trình** Công nghệ YV-

**Tín dụng** 3

**Mã khóa học** SKB 515

**Tên tác phẩm** CWU EDBL250 DÂN TỘC & VĂN HÓA THIỂU SỐ TRONG GIÁO DỤC MỸ (CHƯƠNG TRÌNH HỌC VIỆN GIÁO VIÊN)

**Chương trình** Công nghệ YV-

**Tín dụng** 0.8

**Mã khóa học** SKB 516

**Tên tác phẩm** CWU EFC250 INTRODUCTION TO EDUCATION (TEACHER ACADEMY PROGRAM)

**Chương trình** Công nghệ YV-

**Tín dụng** 0.8

**Mã khóa học** SKB511, SKB512, SKB513, SKB 514  
**Tên tác phẩm** TEACHER ACADEMY I, II  
**Chương trình** Công nghệ YV-  
**Tín dụng** 3

**Mã khóa học** SKC316, SKC317  
**Tên tác phẩm** CORE PLUS CONSTRUCTION I  
**Chương trình** Công nghệ YV-  
**Tín dụng** 3

**Mã khóa học** SKC411, SKC412  
**Tên tác phẩm** CONSTRUCTION II  
**Chương trình** Công nghệ YV-  
**Tín dụng** 3

**Mã khóa học** SKD311, SKD312  
**Tên tác phẩm** DENTAL ASSISTING I  
**Chương trình** Công nghệ YV-  
**Tín dụng** 3

**Mã khóa học** SKD411, SKD412  
**Tên tác phẩm** DENTAL ASSISTING II  
**Chương trình** Công nghệ YV-  
**Tín dụng** 3

**Mã khóa học** SKE311, SKE331, SKE411, SKE431  
**Tên tác phẩm** COMPUTER TECHNICIAN I, II  
**Chương trình** Công nghệ YV-  
**Tín dụng** 3

**Mã khóa học** SKE313, SKE333, SKE413, SKE4 14  
**Tên tác phẩm** CYBERSECURITY I, II  
**Chương trình** Công nghệ YV-  
**Tín dụng** 3

**Mã khóa học** SKE320, SKE330, SKE420, SKE430  
**Tên tác phẩm** ELECTRICAL I, II  
**Chương trình** Công nghệ YV-  
**Tín dụng** 3

**Mã khóa học** SKF321, SKF322  
**Tên tác phẩm** CULINARY ARS I  
**Chương trình** Công nghệ YV-  
**Tín dụng** 3

**Mã khóa học** SKF421, 422  
**Tên tác phẩm** CULINARY ARS II  
**Chương trình** Công nghệ YV-  
**Tín dụng** 3

**Mã khóa học** SKJ311, SKJ312, SKJ411, SKJ412  
**Tên tác phẩm** COSMETOLOGY I, II  
**Chương trình** Công nghệ YV-  
**Tín dụng** 3

**Mã khóa học** SKL311, SKL312, SKL411, SKL412  
**Tên tác phẩm** BUSINESS ADMINISTRATION I, II  
**Chương trình** Công nghệ YV-  
**Tín dụng** 3

**Mã khóa học** SKL320, SKL321, SKL420, SKL4 21  
**Tên tác phẩm** LAW ENFORCEMENT I, II  
**Chương trình** Công nghệ YV-  
**Tín dụng** 3

**Mã khóa học** SKM200, SKM201, SKM300, SKM301  
**Tên tác phẩm** PHYSICAL THERAPY TECHNICIAN I, II  
**Chương trình** Công nghệ YV-  
**Tín dụng** 3

**Mã khóa học** SK M302  
**Tên tác phẩm** CWU PUBH209 CONSUMER HEALTH (PHYSICAL THERAPY TECH PROGRAM)  
**Chương trình** Công nghệ YV-  
**Tín dụng** 0.8

**Mã khóa học** SK M303  
**Tên tác phẩm** CWU BIOL201 HUMAN PHYSIOLOGY (PHYSICAL THERAPY TECH PROGRAM)  
**Chương trình** Công nghệ YV-  
**Tín dụng** 1

**Mã khóa học** SK M304  
**Tên tác phẩm** CWU PEF110 CONDITIONING EXERCISES (PHYSICAL THERAPY TECH PROGRAM)  
**Chương trình** Công nghệ YV-  
**Tín dụng** 0.2

**Mã khóa học** SK M305  
**Tên tác phẩm** CWU PEF113 WEIGHT TRAINING (PHYSICAL THERAPY TECH PROGRAM)  
**Chương trình** Công nghệ YV-  
**Tín dụng** 0.2

**Mã khóa học** SKM310, SKM311  
**Tên tác phẩm** NURSING I  
**Chương trình** Công nghệ YV-  
**Tín dụng** 3

**Mã khóa học** SKM600, SKM601  
**Tên tác phẩm** PRE-MEDICAL ASSISTANT I  
**Chương trình** Công nghệ YV-  
**Tín dụng** 3

**Mã khóa học** SKM602, SKM603  
**Tên tác phẩm** PRE-MEDICAL ASSISTANT II  
**Chương trình** Công nghệ YV-  
**Tín dụng** 3

**Mã khóa học** SKR313, SKR323, SKR413, SKR 414  
**Tên tác phẩm** MACHINING AND INDUSTRIAL MECHANICS I, II  
**Chương trình** Công nghệ YV-  
**Tín dụng** 3

**Mã khóa học** SKS 311, SKS312  
**Tên tác phẩm** FIRE SCIENCE & EMERGENCY SERVICES I  
**Chương trình** Công nghệ YV-  
**Tín dụng** 3

**Mã khóa học** SKS411, 412  
**Tên tác phẩm** FIRE SCIENCE & EMERGENCY SERVICES II  
**Chương trình** Công nghệ YV-  
**Tín dụng** 3

**Mã khóa học** SKT311, SKT312, SKT411, SKT412  
**Tên tác phẩm** ENTERTAINMENT MEDIA PRODUCTION I, II  
**Chương trình** Công nghệ YV-  
**Tín dụng** 3

**Mã khóa học** SKU311, SKU312, SKU411, SKU412  
**Tên tác phẩm** AUTOMOTIVE TECHNOLOGY I, II  
**Chương trình** Công nghệ YV-  
**Tín dụng** 3

# Các khóa học

---

## Cao đẳng trong trường trung học

### **PHE309: EWU PHED150 TẬP THỂ DỤC NHANH**

Khóa học thể dục toàn diện được thiết kế để phát triển sức mạnh, tính linh hoạt và sức bền (cơ bắp và tim mạch) một cách hiệu quả và hiệu quả. Định hướng và đánh giá bắt buộc (thử nghiệm trước và sau thử nghiệm) đi kèm với chương trình. Được thiết kế để phát triển mức độ tập thể dục cơ bản cho tất cả những người có mức độ tập thể dục khác nhau.

**Trường** Eisenhower

**Chương trình** Sức khỏe & Thể hình

Cao đẳng trong trường trung học

**Tín dụng** 1

mỗi học kỳ

**Tín dụng kép** Vâng

**CTE nghề nghiệp** Không

**Tín chỉ đại học có sẵn** Vâng

**Thời lượng** 1 học kỳ

**Yêu cầu đã đáp ứng**

Physical Education; Elective

**Ghi chú**

Nội dung cấp đại học và các môn học. Sinh viên phải đăng ký và đăng ký khóa học thông qua Đại học Đông Washington. Phụ huynh và người giám hộ phải đồng ý tham gia lớp học.

### **PHE310: EWU PHED152 SỨC MẠNH/TẬP TẠ**

Tập luyện sức mạnh/trọng lượng cung cấp cho sinh viên một cơ hội để phát triển thể lực cơ xương dựa trên các nguyên tắc khoa học của đào tạo sức đề kháng. Hỗ trợ sẽ được trao cho sinh viên trong việc phát triển một thiết kế chương trình để đáp ứng các mục tiêu thể dục của họ.

**Trường** Eisenhower

**Chương trình** Sức khỏe & Thể hình

Cao đẳng trong trường trung học

**Tín dụng** 1

mỗi học kỳ

**Tín dụng kép** Vâng

**CTE nghề nghiệp** Không

**Tín chỉ đại học có sẵn** Vâng

**Thời lượng** 1 học kỳ

**Điều kiện tiên quyết**

Phải đạt được điểm B hoặc cao hơn trong PE nói chung.

**Yêu cầu đã đáp ứng**

Giáo dục thể chất (PE); Tự chọn

**Ghi chú**

Nội dung cấp đại học và các môn học. Sinh viên phải đăng ký và đăng ký khóa học thông qua Đại học Đông Washington trong thời gian đăng ký. Phụ huynh và người giám hộ phải đồng ý tham gia lớp học. Học sinh phải vượt qua các bài kiểm tra xếp lớp.

## **PHE451: CWU PEF123 ĐI BỘ AEROBIC**

Đi bộ aerobic là hình thức tập thể dục an toàn và thuận tiện nhất cho hầu hết mọi người tham gia. Lớp học được thiết kế để cải thiện mức độ thể lực chung của mỗi người tham gia. Học sinh sẽ nhận được 1,0 tín chỉ đại học và 0,5 tín chỉ trung học. Cần có sự tham gia và tham gia. Học sinh phải hoàn thành lớp học với 70% hoặc cao hơn để nhận được tín chỉ đại học.

**Trường** Eisenhower

**Chương trình** Sức khỏe & Thể hình  
Cao đẳng trong trường trung học

**Tín dụng** 1

mỗi học kỳ

**Tín dụng kép** Vâng

**CTE nghề nghiệp** Không

**Tín chỉ đại học có sẵn** Vâng

**Thời lượng** 1 học kỳ

**Yêu cầu đã đáp ứng**

Tín chỉ Giáo dục Thể chất (PE), Tín chỉ tự chọn

**Ghi chú**

Nội dung cấp đại học và các môn học. Sinh viên phải đăng ký và đăng ký khóa học thông qua Đại học Central Washington trong cửa sổ đăng ký. Phụ huynh và người giám hộ phải đồng ý tham gia lớp học. Học sinh phải vượt qua các bài kiểm tra xếp lớp.

## **PHE452: BÀI TẬP ĐIỀU HÒA CWU PEF110**

Học sinh sẽ học các nguyên tắc điều hòa thể chất và thực hiện các thói quen tập thể dục dẫn đến tăng cường điều hòa thể chất

Học sinh sẽ học được vai trò của dinh dưỡng trong việc đạt được và duy trì tình trạng thể chất tốt.

**Trường** Eisenhower

**Chương trình** Sức khỏe & Thể hình  
Cao đẳng trong trường trung học

**Tín dụng** 1

mỗi học kỳ

**Tín dụng kép** Vâng

**CTE nghề nghiệp** Không

**Tín chỉ đại học có sẵn** Vâng

**Thời lượng** 1 học kỳ

**Yêu cầu đã đáp ứng**

Giáo dục thể chất, Tự chọn

**Ghi chú**

Nội dung cấp đại học và các môn học. Sinh viên phải đăng ký và đăng ký khóa học thông qua Đại học Central Washington trong cửa sổ đăng ký. Phụ huynh và người giám hộ phải đồng ý tham gia lớp học. Học sinh phải vượt qua các bài kiểm tra xếp lớp.

## **PHE453: CWU PETS113 BÓNG ĐÁ**

Học sinh sẽ thể hiện các kỹ năng thể chất của bóng đá thông qua việc tích cực chơi môn thể thao này. Học sinh sẽ học các chiến lược chơi tấn công và phòng thủ và các quy tắc của bóng đá.

**Trường** Eisenhower

**Chương trình** Sức khỏe & Thể hình  
Cao đẳng trong trường trung học

**Tín dụng 1**

mỗi học kỳ

**Tín dụng kép** Vâng

**CTE nghề nghiệp** Không

**Tín chỉ đại học có sẵn** Vâng

**Thời lượng** 1 học kỳ

**Yêu cầu đã đáp ứng**

Tín chỉ giáo dục thể chất (PE)

**Ghi chú**

Nội dung cấp đại học và các môn học. Sinh viên phải đăng ký và đăng ký khóa học thông qua Đại học Central Washington trong cửa sổ đăng ký. Phụ huynh và người giám hộ phải đồng ý tham gia lớp học. Học sinh phải vượt qua các bài kiểm tra xếp lớp.

## **PHE454: TẬP TẠ CWU PEF113**

Học sinh sẽ thực hiện các bài tập tạ cơ bản, thực hiện các bài tập theo nguyên tắc tập luyện, thể hiện sự hiểu biết về giải phẫu cơ xương cơ bản và mối quan hệ của nó với việc tập tạ, và chứng minh kiến thức tốt về các nguyên tắc cơ bản của tập tạ.

**Trường** Eisenhower

**Chương trình** Cao đẳng trong trường trung học  
Sức khỏe & Thể hình

**Tín dụng 1**

mỗi học kỳ

**Tín dụng kép** Vâng

**CTE nghề nghiệp** Không